

1000 câu chuyện

1000

MẪU CHUYỆN

CỔ ĐÔNG TÂY



1000 câu chuyện cổ đông tây - tập 1

NGUYỄN LÂN

100

MẪU CHUYỆN CỔ ĐÔNG TÂY

(In lần thứ hai)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

1996

Gõ và tạo ebook: [tducchau \(TVE\)](#)

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU

1. VÌ SỰ NGHIỆP, PHẢI SỐNG

2. MỘT TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC SÁNG NGỜI

3. ĐỨC ĐỘ CỦA MỘT VỊ ANH HÙNG

4. VUA CŨNG CHỈ LÀ NGƯỜI

5. PHẢI TỰ BIẾT MÌNH

6. KHÔNG AI DÁM NHẬN LÀ BẠC HIỀN NHÂN

7. QUYẾT CHÍ

8. CÓ CHÍ TRỞ THÀNH HÙNG BIỆN
9. MUA ĐƯỢC NGHĨA
10. TÌNH VÀ NGHĨA
11. VÌ NGHĨA QUÊN THÙ
12. TRỌNG NGHĨA HƠN TIỀN TÀI
13. CƠM PHIẾU MẪU
14. NGƯỜI CHÍNH TRỰC
15. CÂU TRẢ LỜI CƯƠNG TRỰC
16. NGƯỜI CƯƠNG TRỰC KHÔNG SỢ CHẾT
17. HÃY ĐƯA TÔI TRỞ VỀ HANG ĐÁ
18. KHÔNG THIẾT VÀNG CHẴNG SỢ VOI
19. LỜI NÓI THẰNG CỦA ANNIBAN
20. NGUỒN GỐC TẾT MÔNG BA THÁNG BA
21. THẾ NÀO LÀ TRI KỶ
22. LƯỢNG CẢ BAO DUNG
23. CỨU NGƯỜI ĐÃ KẾT ÁN CHẶT CHÂN MÌNH
24. CỨU NGƯỜI Đâu PHẢI VÌ LỢI
25. LIỀU CHẾT THEO THẦY HỌC ĐẠO
26. DỮNG CẢM HƠN NGƯỜI
27. MỘT EM BÉ GAN DẠ
28. PHẢI CHẴNG LÀ TÀ THUẬT
29. ALẾCHXĂNG ĐẠI ĐỂ SỐNG GIẢN DỊ
30. TIN Ở BẠN

31. CÙNG CHỊU KHÁT VỚI QUÂN LÍNH
32. LÀM GƯƠNG CHO TƯỚNG SĨ
33. NHƯỜNG GHẾ CHO LÍNH
34. HẬU ĐÃI GIA QUYỂN KẼ ĐỊCH
35. TRỌNG SÁCH
36. CŨNG ƯỚC LÀ ĐIÔGIEN
37. KHÔNG GIỮ ĐẠO ĐỨC ĐƯỢC TRỌN ĐỜI
38. MỘT LỜI DÍ DÒM TAI HẠI
39. NÓI NGỌT DỄ NGHE
40. THẾ NÀO LÀ HẠNH PHÚC
41. CÓ GIỎI GIANG GÌ ĐÂU
42. ĐUA ĐÒI
43. ĐÁNG KIẾP TÊN PHẢN BỘI
44. BÀ MẸ BIẾT DẠY CON
45. TÌM THẦY DẠY CON
46. TỰ SÁT ĐỂ KHUYÊN CON
47. CHÚNG KHẨU ĐỒNG TỬ
48. CHỚ NÓI DỐI TRẺ
49. THẾ NÀO LÀ HIẾU
50. HIẾU VỚI MẸ
51. CỨU MẸ BẰNG SỮA CỦA MÌNH
52. VÌ HIẾU MÀ HẾT CÂM
53. MẸ ĐÁNH KHÔNG ĐAU MÀ KHÓC

54. NHÌN VẾT THƯƠNG NHỚ MẸ

55. CẢM HÓA ĐƯỢC NGƯỜI MẸ KẼ ÁC NGHIỆT

56. CON KHÁNG KHÁI, MẸ THẢO HIỀN

57. THẾ MỚI LÀ ANH

58. CHUNG TÌNH

59. THỦY CHUNG

60. XỨNG VỚI NGƯỜI CHỒNG ANH HÙNG

61. CẢI TẠO ĐẤT NƯỚC BẰNG LUẬT

62. MỘT NHÀ LÀM LUẬT CÔNG MINH VÀ DÂN CHỦ

63. MỘT TỤC LỆ DÂN CHỦ

64. NẾU KHÔNG AI BẰNG VUA

65. NHƯỜNG NGÔI

66. VIỆC CAI TRỊ TRONG NƯỚC NÊN THẾ NÀO

67. VÌ TỔ QUỐC TRÊN HẾT

68. QUÊN ĐAU KHỔ ĐỂ CỨU DÂN

69. CỨU NƯỚC TRÊN HẾT

70. SỢ CHÍNH QUYỀN HÀ KHẮC HƠN SỢ HỒ

71. CHỈ CÓ THỂ DỰA VÀO SỨC MÌNH

72. BÉ HẠT TIÊU

73. CON CHẴNG GIỐNG CHA

74. VỎ QUÝT DÀY CÓ MÓNG TAY NHỌN

75. AI NGU

76. CẦU CHO BẠO CHÚA SỐNG LÂU
77. ĂN THUỐC BẤT TỬ MÀ LẠI CHẾT Ư
78. ĐỐI XỬ VỚI BINH LÍNH
79. KHÔNG THẮNG TRỘM
80. ĐỐI XỬ VỚI ĐỊCH
81. ĐÁNH THÌ ĐÁNH NHƯNG HÃY NGHE TÔI ĐÃ
82. MỘT ÔNG QUAN THANH LIÊM
83. HAI THỨ CỦA BÁU
84. KHÔNG NHẬN CÁ TỨC LÀ CÓ CÁ ĂN LÂU DÀI
85. NGƯỜI TÙ ĐƯỢC KÍNH TRỌNG
86. CHỖNG XA XỈ
87. TRỪ BỌN MÊ TÍN HẠI DÂN
88. KHÔNG TIN TƯỚNG SỐ NỮA
89. TÔ TẦN DẠY KHÉO
90. CAN KHÉO
91. LỜI KHEN CÓ SỨC THUYẾT PHỤC
92. SỞ VƯƠNG MẤT CUNG
93. NGƯỜI CHẶN CỪU QUÂN TỬ
94. VÌ NƯỚC NHÀ CHỊU KHUẤT
95. NGƯỜI LÁI TRÊU YÊU NƯỚC
96. DÙNG ĐÀN KHUYÊN VUA
97. NUỐT THAN ĐỂ TRẢ THÙ CHO CHỦ
98. THA THỨ CHO TÊN PHẢN BỘI

99. MẮT LÒNG DÂN THÌ MẮT NƯỚC

100. BIA KỶ NIỆM CATÔNG

LỜI NÓI ĐẦU

Các cụ ta nói: “Ôn cố tri tân”, có nghĩa là ôn cái cũ biết được cái mới. Tôi rất tâm đắc câu đó, vì qua những gương sáng của lịch sử, ta soi vào sẽ biết được lẽ phải chẳng, mà cố tự rèn luyện mình và giúp cho người khác tu dưỡng. Chính vì thế mà năm 1943, tôi đã soạn bộ sách Những trang sử vẻ vang để nêu lên những gương anh hùng của ông cha chúng ta.

Ngày nay, những đảo lộn trong thế giới tác động sâu sắc đến các tầng lớp nhân dân ta, gây nên những tác hại lớn về mặt luân thường đạo lí, đến nỗi hằng ngày trên báo chí,... ta đọc thấy những tin đáng đau lòng, như con đánh chết mẹ, vợ đầu độc chồng, học trò chửi cô giáo, bè bạn chém giết nhau, nạn tham nhũng tràn lan, công dân phản Tổ quốc...

Là một nhà giáo, tôi vô cùng lo lắng trước những ảnh hưởng xấu xa đối với thế hệ mới lớn lên.

Đọc lại những trang sử cũ của nhân loại từ Đông sang Tây trong thời kì cổ đại, tôi thấy yên tâm và tin tưởng vào con người với những tấm gương chói lọi.

Tôi thầm nghĩ: Những gương sáng đó sẽ giúp cho mỗi người khi soi vào có thể hoặc tu tình, hoặc cố vươn lên những đỉnh cao của đạo làm người.

Vì thế tôi soạn tập 100 mẫu chuyện cổ Đông Tây này, lựa chọn một trăm truyện kể về những mẫu người tiêu biểu trong cổ sử của Hi Lạp, La Mã và Trung Quốc, những cái nôi của văn minh nhân loại.

Trong tập này, những người và tên đất Hi Lạp, La Mã, tôi xin dịch theo phiên âm tiếng Pháp, còn tên người và tên đất Trung Quốc thì tất nhiên phiên âm là những từ Hán – Việt.

Để kết thúc Lời nói đầu ngắn ngủi và chân thành này tôi mong mọi rằng các bạn đọc giả thân mến sẽ có những ý nghĩ tương tự như những lời phát biểu sau đây của nhà sử học Hi Lạp Phulacơ khi viết về những tinh hoa của lịch sử:

“Tôi khắc sâu vào tâm hồn tôi kỉ niệm và hình ảnh của những người đạo đức nhất, lòng lầy nhất: nếu trong sự giao thiệp với những người tôi buộc phải cùng sống mà khiến tôi có những định kiến xấu xa, đố kỵ, không xứng đáng với con người có danh dự, thì tôi cố gắng gạt đi, trừ bỏ đi; tôi sẽ làm cho tưởng mình êm dịu và trong sáng bằng cách nghĩ đến những mẫu mực trọn vẹn về đạo lí và đức độ”.

Cuối cùng tôi xin tỏ lời chân thành cảm tạ đồng chí Từ Kính Đàm đã cho tôi mượn nhiều tư liệu quý.

Tháng 8 năm 1991

NGUYỄN LÂN

1. VÌ SỰ NGHIỆP, PHẢI SỐNG

Họ Tư Mã đời đời làm sử quan. Đến đời nhà Hán, Tư Mã Đàm làm Thái sử lệnh. Trên đường đi theo Hán Vũ Đế, Tư Mã Đàm mắc bệnh nặng. Trước khi từ trần, ông cầm tay con là Tư Mã Thiên mà dặn rằng:

– Tổ tiên ta đời đời làm sử quan. Sau khi cha chết, thế nào con cũng phải nối nghiệp làm thái sử.

Tư Mã Thiên là một người thông minh tuyệt vời, đã đọc thiên kinh vạn quyển và đã đi chu du khắp nước Trung Hoa, để hiểu biết non sông và nắm bắt mọi sự việc.

Vâng lời cha, ông thay cha làm Thái sử lệnh và chuẩn bị viết bộ Sử kí, thực hiện hoài bão lớn lao của người cha.

Năm 99 trước Công nguyên, Hán Vũ Đế sai quân vào đánh Hung nô. Một người quen biết Tư Mã Thiên là Lí Lăng đem năm nghìn quân vào biên giới Hung nô, bị tám vạn quân địch bao vây. Suốt mười ngày liền Lí Lăng chỉ huy cuộc chiến đấu, giết hơn vạn quân địch, nhưng cuối cùng, quân sĩ chết hầu hết lại bị chặn đường về, Lí Lăng phải hàng giặc. Vũ Đế nổi giận, muốn giết cả nhà Lí Lăng. Tư Mã Thiên biết tài đức của Lí Lăng, mạnh dạn tâu với nhà vua, bênh vực Lí Lăng.

Vũ Đế càng giận, lại nghe lời bọn quần thần, sai bắt giam Tư Mã

Thiên và giao cho pháp quan luận tội. Cuối cùng ông bị khép vào tội coi thường nhà vua và bị cung hình (tức là bị thiến). Hồi đó có phép lấy tiền chuộc tội: chỉ cần năm mươi vạn đồng tiền là chuộc được tội chết. Nhưng Tư Mã Thiên nghèo, thanh bạch, không có tiền chuộc, đành phải chịu hình phạt nhục nhã ấy.

Uất ức quá, đã có lần ông định tự vẫn. Nhưng ông lại nhớ đến lời trời trăng của cha ông và nghĩ đến quyển Sử kí ông đương viết. Nên ông đành sống để không trái lời cha dặn và nhất là để hoàn thành sự nghiệp cao cả: ghi lại lịch sử của dân tộc kéo dài trên ba nghìn năm từ thời Hoàng Đế cho đến đời Hán Vũ Đế. Quyển Sử kí của ông là một bộ sử vĩ đại trong những bộ sử của nhân loại.

2. MỘT TÂM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC SÁNG NGỜI

Vào thế kỉ thứ IV trước Công nguyên, có một người mà gương đạo đức còn sáng ngời mãi mãi trong lịch sử nhân loại. Đó là Phôxiông.

Hồi nhỏ, ông từng được học các triết gia Phatông và Đêôcrát ở học đường Acadêmi. Theo lời dạy của các thầy, ông đã tự rèn luyện những đức tính đạo đức mà ông giữ đến trọn đời.

Suốt đời, ngay những lúc chỉ huy một đạo quân hùng cường hay được cử đứng đầu Nhà nước, ông vẫn giữ được một cuộc sống đạm bạc đến mức khốn khổ, một tác phong giản dị và một đức liêm khiết tuyệt vời. Khi ông cầm quân ra trận, ông thường đi chân đất và nếu thấy ông khoác áo măng tô thì binh lính kháo nhau rằng trời rét lắm đấy.

Người ta không thấy ông cười hay khóc, lúc nào mặt cũng đăm chiêu nghĩ ngợi và khi cần phát biểu thì nói rất ngắn gọn và rất sắc, đến mức nhà hùng biện Đêôxten phải khâm phục.

Một lần vua Alếchxăng gửi tặng ông một trăm đồng tiền vàng, ông hỏi những người đem tiền đến là vì sao trong toàn dân thành Aten, nhà vua lại chỉ tặng ông tiền.

– Vì nhà vua thấy chỉ có ông là người đức hạnh và trọng danh

dự.

– Vậy thì các ông về trình với đức vua là tôi sẽ giữ được như thế cho đến trọn đời.

Thấy ông không nhận tiền, những người của Alếchxăng theo ông về tận nhà.

Đến ngôi nhà lụp xụp, họ ngạc nhiên thấy vợ ông đang ngồi nhào bột, còn ông thì ra giếng tự kéo nước rửa chân.

Mấy người đó thấy vậy, yêu cầu ông nhận tiền và nói rằng không thể để một người bạn của nhà vua sống cực khổ như thế.

Ngay lúc đó có một ông lão nghèo đi qua, quần áo bẩn thỉu, nhếch nhác. Phôxiông hỏi:

- Các ông thấy tôi khổ hơn ông cụ này ư?
- Đâu có thế?
- Vậy mà ông cụ vẫn sống thản nhiên. Cho nên tôi không nhận số tiền này. Nó không có ích gì cho tôi. Và lại nếu tôi dùng nó thì tôi chẳng còn xứng đáng với nhà vua nữa.

Alếchxăng vô cùng bức tức trước sự từ chối của Phôxiông và viết thư cho ông nói rằng ai không nhận gì của mình thì không đáng là bạn của mình nữa.

Phôxiông trả lời là không thể nhận quà tặng của nhà vua và chỉ xin nhà vua tha tội cho bốn người dân Aten đương bị cầm tù. Alếchxăng đã chuẩn y ngay.

Alếchxăng lại cho người đến tặng cho Phôxiông một trong bốn tỉnh ở châu Á mà Phôxiông có thể tự chọn.

Mặc dù biết Alếchxăng không bằng lòng. Phôxiông vẫn cương quyết không nhận!

Sau khi Alếchxăng qua đời, người thay quyền nhà vua là Ăngtipate vì nể Phôxiông đã giao cho một người bạn của ông là Mêninluyt cai trị một miền ở Aten.

Để trả ơn Phôxiông, người này đem biếu Phôxiông một số tiền lớn. Ông đã nói:

- Mêninluyt chẳng hơn gì Alếchxăng, vậy tôi không có lí gì nhận tiền của Mêninluyt khi đã không nhận của Alếchxăng.

Mêninluyt đáp:

- Ông chẳng nhận cho ông thì nhận cho con ông vậy.

Phôxiông trả lời:

- Nếu con tôi giống tôi thì nó thừa hưởng gia tài của bố nó, còn nếu nó không giống tôi thì số tiền này cũng chẳng thấm gì.

Mêninluyt đành đem tiền về.

3. ĐỨC ĐỘ CỦA MỘT VỊ ANH HÙNG

Một trong hai vị anh hùng mà Phuytácơ coi là có đạo đức trong sáng nhất là Pôlyút Temililyút (*).

Khi còn là thanh niên, Pôlyút đã vượt hẳn những người cùng tuổi bằng những đức tính công minh, thẳng thắn, tự tin, khi đã nhận công việc gì làm, thì tận tâm đạt đến mục đích cuối cùng.

Khi làm tướng cầm quân, ông yêu cầu quân lính phải giữ kỉ luật thật nghiêm và phải chịu khó rèn luyện. Bản thân ông luôn luôn là một gương sáng của họ.

Hồi đó, Tây Ban Nha thuộc quyền cai trị của La Mã. Vì có những cuộc nổi loạn, Pôlyút được cử sang bình định. Sau khi đã ổn định được tình hình của hai trăm năm mươi thành phố, ông trở về La Mã, không đem về một đồng xu nhỏ.

Ông cũng được cử sang bình định xứ Liguyri ở Tây Bắc nước Ý. Ông đem tám nghìn quân sang đánh nhau với một đạo quân gồm bốn mươi nghìn người. Nhưng nhờ tài thao lược của ông. Ông đã đánh tan đạo quân đó, hiểu được nhân dân Liguyri và chinh phục được lòng tin của họ.

Vào thế kỉ thứ II trước Công nguyên, xứ Maxêđoan hùng cường trước kia trong thời Alếchxăng Đại Đế, đã có một tên vua gian tham và keo kiệt là Pécxê.

Pécxê đánh cướp một bộ phận thủy quân La Mã rồi cầu kết với người Gôloa và một số dân tộc khác định tiến quân vào nước Ý.

Lúc đó Pôluýt đã gần sáu mươi tuổi. Dân chúng yêu cầu ông giữ quyền chấp chính. Ông từ chối vì cho rằng mình đã già. Nhưng dân chúng đến tận nhà nài ông ra cầm quyền để chống lại Pécxê. Ông đành phải nhận.

Ông đem quân sang xứ Maxêđoan.

Tên vua hèn hạ Pécxê lại có một đạo quân rất lớn gồm bốn nghìn kỵ binh và gần bốn mươi nghìn lục quân. Cuộc chiến đấu cũng gian khổ, nhưng nhờ tài thao lược của Pôluýt, ông đã thắng hoàn toàn và làm chủ được thành Maxêđoan.

Pécxê hèn hạ, sợ chết, xin được vào yết kiến Pôluýt. Pécxê quỳ xuống đất và hôn đầu gối Pôluýt. Ông đã nói với Pécxê rằng:

– Anh đã làm giảm giá trị thắng lợi của người La Mã, vì đã chiến thắng một kẻ địch hèn hạ, đáng khinh.

Nói rồi, ông cho Pécxê đứng dậy và giao người đưa Pécxê đến sống ở một nơi yên ổn với gia đình.

Ông cho gọi đến dưới trướng của ông những sĩ quan trẻ, trong đó có con trai và con rể của ông. Họ vào, thấy ông ngồi yên lặng, vẻ mặt trầm tư. Một lúc lâu sau, ông nói với họ rằng chỉ trong một thời

gian ngắn, quân đội La Mã đã đánh bại được đạo quân hùng hậu của Pécxê và làm chủ cả cơ nghiệp huy hoàng xưa kia của Alếchxăng đại đế, thì có nên kiêu căng không? Cần phải rút kinh nghiệm mà nghĩ đến những gì còn chờ đón mình ở tương lai, không nên quá vội tự hào.

Đó là một bài học khiêm tốn ông đã dạy cho con cái ông và những bạn trẻ của họ.

Sau chiến thắng, ông đi thăm các vùng ở Hi Lạp. Đi đến đâu ông cũng phủ dụ dân chúng, lấy của kho phát cho dân nghèo và yêu cầu các quan chức phải giữ gìn trật tự và an ninh.

Người dân Hi Lạp đều ca tụng tinh thần bao dung rộng lượng, nhất là tính liêm khiết của ông. Ông chỉ cho phép mấy người con của ông trong quân đội lấy một số sách trong thư viện của nhà vua, và không đụng đến những châu báu trong các kho tàng đầy ắp của Maxêđoan.

Ông trả lại cho người Hi Lạp đất đai của họ, tuyên bố là các thành phố của họ được hoàn toàn tự do và cai trị theo pháp luật của họ.

Khi trở về La Mã, ông được đồng bào đón tiếp trọng thể và được giao chức Ngự sử. Ông luôn luôn làm tròn nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm rất cao.

Song vì tuổi cao, lại mang bệnh, ông đã từ chức và theo lời khuyên của các thầy thuốc, ông về sống ở Êlê một thành phố ở bờ biển nước Ý. Nhân dân rất tôn kính ông, mỗi lần có hội hè đều mời ông tham dự.

Năm 160 trước Công nguyên, ông đã từ trần. Nhân dân La Mã và Maxêđoan thương tiếc ông vô cùng. Ông mất đi, nhưng tiếng thơm của vị anh hùng có đức độ cao siêu còn sáng ngời mãi mãi trong lịch sử.

4. VUA CŨNG CHỈ LÀ NGƯỜI

Vào thế kỉ thứ IV trước Công nguyên, vương quốc Maxêđoan (ở phía bắc Hi Lạp hiện nay) có một vị vua hùng mạnh, đã đánh đông dẹp bắc, uy danh lừng lẫy. Đó là quốc vương Philip.

Mặc dầu ngai vàng vững chắc, thần dân quy phục, nhưng ông vua này vẫn luôn luôn nghĩ rằng ở cương vị chúa tể của mình, mình dễ tự phụ mà mắc những sai lầm đáng tiếc, nên ông đã ra lệnh cho một người hầu cận là sáng sáng, khi ông thức dậy thì đến trước long sàng đồng dục nhắc một câu :

– Hồi đức vua Phi líp, nhà vua cũng chỉ là người.

Sự cảnh giác đối với bản thân như thế thực đẹp biết bao !.

5. PHẢI TỰ BIẾT MÌNH

Trong nước Hi Lạp cổ, có một họa sĩ trứ danh tên là Apen. Ông yêu nghệ thuật, mê hội họa, có tinh thần khiêm tốn, sẵn sàng tiếp thu những lời phê bình đối với những tác phẩm của ông.

Muốn được biết những nhận xét của quần chúng đối với những bức họa của mình, ông thường đem bày ở ngoài phố, rồi núp ở phía sau, để nghe những lời bình phẩm của những người qua đường.

Một lần, ông bày một bức tranh vẽ một kị sĩ cưỡi ngựa. Bỗng có một anh thợ giày đi qua, dừng lại xem tranh. Anh ta thấy chiếc dép của kị sĩ vẽ không đúng, liền tỏ ý chê. Tối hôm đó, họa sĩ đã sửa ngay rồi lại bày tranh ra.

Ngày hôm sau, anh thợ giày lại đi qua, thấy họa sĩ đã sửa, lấy làm tự hào. Anh tưởng mình cũng có tài phê bình. Anh liền chê lung tung, từ kị sĩ đến con ngựa.

Họa sĩ nghe anh ba hoa, bực mình quá, phải đứng ra nói :

– Này anh thợ giày, xin đừng nói thêm nữa vì anh chẳng hiểu gì cả !

6. KHÔNG AI DÁM NHẬN LÀ BẠC HIỀN NHÂN

Một hôm, mấy anh thanh niên ở thành Milô trên bờ biển Êgiê đương đi chơi thì thấy một ông lão đương kéo vó. Họ bèn nghĩ ra một trò chơi là trả tiền trước cho một ông lão và hẹn là vó kéo lên lần đầu được bao nhiêu họ lấy hết. Ông lão bằng lòng và thả vó xuống nước. Một lúc sau, kéo vó lên thì không phải là cá mà là một cái đồ trang sức có ba chân bằng vàng. Bọn thanh niên đòi lấy, ông lão không nghe, cho rằng họ chỉ mua cá mà thôi. Hai bên cãi nhau. Dân địa phương kéo đến và bảo họ phải đi hỏi bà đồng thờ thần Apolông ở Đenphơ. Bà đồng bảo họ đem biểu cho người nào là bậc hiền triết giỏi nhất.

Lúc bấy giờ ở Hi Lạp có bảy nhà thông thái nổi tiếng về đạo đức cũng như về kiến thức. Trước hết, họ đem biểu nhà triết học kiêm toán học Talét. Nhưng triết gia tự cho là không xứng đáng là bậc hiền nhân, nên giới thiệu người thứ hai, người này giới thiệu người thứ ba, lần lượt đến người thứ bảy. Cả bảy nhà triết học đều không dám nhận là bậc hiền nhân giỏi nhất. Cuối cùng, mọi người khuyên đem đến thờ ở đền Apolông và nói rằng chỉ có thần thánh mới xứng đáng là bậc hiền cao cả nhất !.

7. QUYẾT CHÍ

Năm 416 trước Công nguyên, vua nước Ngô là Hạp Lư đem quân sang đánh nước Việt, nhưng quân Ngô bị thua, Hạp Lư bị trúng tên. Khi sắp chết, Hạp Lư dặn lại con là Phù Sai phải trả thù cho cha.

Phù Sai quyết chí làm theo lời cha, nên cho người đứng ở giữa sân, để mỗi khi Phù Sai đi qua thì người ấy nói to:

- Hỡi Phù Sai, nước Việt giết cha anh mà anh quên ư ?

Phù Sai liền trả lời:

- Vâng, không dám quên đâu !

Ba năm sau, quả Phù Sai đánh được nước Việt.

Vua nước Việt là Câu Tiễn, nghe lời khuyên của Phạm Lãi, xin nhận làm bề tôi của vua Ngô. Nhưng trong lòng vẫn quyết chí phục thù.

Hằng ngày Câu Tiễn chắt củi gai làm giường nằm và treo ở trước mặt một cái mật đắng, khi ăn nếm mật rồi mới ăn. Một mặt bản thân cùng vợ con chịu khó lao động, mặt khác tôn trọng và biệt đãi những người có tài, cứu giúp những người nghèo.

Trong hai mươi năm, Câu Tiễn không lúc nào quên chuyện rửa thù.

Khi đã thấy lòng dân theo mình, và tình thế nước Ngô bê bối, Câu Tiễn đem quân tiến đánh nước Ngô. Quân Ngô thua, Câu Tiễn lập lại cơ đồ.

Như thế là vì quyết chí Phù Sai trả thù được cho cha, nhưng cũng vì quyết chí mà Câu Tiễn lấy lại được đất nước.

8. CÓ CHÍ TRỞ THÀNH HÙNG BIỆN

Trong nước Hi Lạp cổ đại, quần chúng thường tụ họp ở quảng trường để nghe các nhà chính trị trình bày ý kiến của họ, rồi có quyền biểu quyết tán thành hay không ý kiến của diễn giả.

Nhà chính trị Đê-môxten muốn hô hào quần chúng đấu tranh cho nền dân chủ, nhưng ông lại có những khuyết tật như nói ngọng, nói lắp, nói nhỏ. Ông quyết tâm rèn luyện giọng nói của mình để thuyết phục được quần chúng.

Muốn thế, ông đã tự nhốt mình vào trong một hầm kín, tự gọt rửa đầu để khỏi ra ngoài, rồi cố đọc thật to những bài thơ đã thuộc, luyện giọng, rèn lối phát âm, ra sức tránh nói lắp và tập những cử chỉ thích hợp với lời nói.

Sau ba tháng đã có tiến bộ, ông ngậm trong miệng những viên sỏi, rồi vừa chạy trên sườn đồi hoặc bãi biển, ông vừa hét to những lời đồng dục, để át tiếng gió gào và tiếng sóng gầm.

Nhờ có ý chí kiên cường, ông đã trở thành nhà chính trị hùng biện nhất của Hi Lạp ở thế kỉ thứ IV trước Công nguyên.

9. MUA ĐƯỢC NGHĨA

Mạnh Thường Quân là tướng của nước Tề thời Chiến quốc. Mạnh Thường Quân nhà rất giàu, lại có tiếng là người nghĩa hiệp.

Nhà ông luôn luôn có nhiều khách, gồm những người nghĩa sĩ.

Phùng Huyền người nước Tề, làm thực khách ở cửa Mạnh Thường Quân.

Một hôm, Mạnh Thường Quân đưa sổ bộ ra hỏi các thực khách xem có người nào biết về việc kế toán, nhờ qua đất Tiết (thuộc Sơn Đông ngày nay), là phong ấp của Thường Quân, để thu các mối nợ, thì xin ký tên vào sổ. Phùng Huyền nhận sổ ký tên, rồi thưa : "Huyền nguyện đi."

Trước khi đi, họ Phùng hỏi: "Thu nợ xong rồi có cần mua vật gì?"

Mạnh bảo: "Xem trong nhà còn thiếu vật gì thì cứ mua về."

Phùng Huyền đến đất Tiết, cho người thuộc lại mời tất cả những người thiếu nợ đến đông đủ, rồi truyền rằng Mạnh Tướng quốc ra lệnh xóa bỏ tất cả sổ nợ. Và, để cho mọi người tin tưởng, Phùng đem đốt hết những văn khế nợ. Dân đất Tiết vui mừng, tung hô vạn tuế.

Khi họ Phùng trở về, Thường Quân lấy làm lạ cho là đòi nợ cách gì mà mau chóng thế, mới hỏi:

- Thu nợ xong phải không?

- Thu xong cả.

- Có mua gì về không?

- Khi đi, Tướng công có bảo: nên mua những vật gì trong nhà còn thiếu. Tôi trộm nghĩ trong bụng Tướng công chất chứa những đồ trân

bảo, ngoài chuồng nuôi đầy chó ngựa, nhà sau la liệt những mỹ nhân, vậy vật mà Tướng công còn thiếu, chưa có là điều Nghĩa, nên tôi trộm lệnh mua điều Nghĩa đem về.

Thường Quân nghe nói không bằng lòng, nhưng bỏ qua, chẳng nói lại gì.

Về sau, vua Tề không dùng Mạnh làm Tướng quốc nữa, phải về đất Tiết ở. Bấy giờ bá tính đất Tiết, nghe tin, nhớ đến ơn xưa, trai gái già trẻ rủ nhau đến đón rước đầy đường, hoan hô nhiệt liệt. Khi ấy, Mạnh quay lại Phùng Huyền mà bảo rằng:

- Tiên sinh vì tôi mua điều nghĩa, ngày nay tôi mới trông thấy!.

10. TÌNH VÀ NGHĨA

Tướng nước Tề đưa quân sang đánh nước Lỗ.

Khi đến biên giới, quân lính thấy một người phụ nữ một tay ẵm một đứa bé, một tay dắt một đứa bé khác. Nhưng quân tiến nhanh quá, người phụ nữ kia đặt đứa bé trên tay xuống và ẵm đứa bé đang dắt để chạy nhanh vào rừng. Đứa bé bị bỏ lại vừa chạy theo vừa khóc ầm ĩ.

Viên tướng nước Tề cho bắt người phụ nữ và hỏi :

- Đứa bé chị đang ẵm chạy là con ai, còn đứa bé chị bỏ lại là con ai ?

- Đứa bé tôi ẵm chạy là con anh cả tôi, còn cháu bé tôi đành bỏ lại là con tôi. Khi quân lính kéo đến, tôi không thể nào đưa cả hai đứa đi, đành phải để con tôi lại.

- Tình mẹ con là ruột thịt. Sao nàng nỡ bỏ con lại ?

- Con tôi là tình riêng, con anh tôi là nghĩa công, mặc dầu tôi vô cùng đau xót.

Viên tướng nước Tề liền tâu với vua Tề :

- Ta mới đến biên cương mà đã thấy một mù đàn bà nước Lỗ coi trọng nghĩa công hơn tình riêng. Như thế thì nước này không phải dễ mà xâm chiếm. Xin bệ hạ cho quân ta kéo về.

Vua Tề cho là phải và cùng toàn quân trở lại.

Vua nước Lỗ biết chuyện ấy, thưởng cho người phụ nữ và phong cho hai chữ "Nghĩa cô".

11. VÌ NGHĨA QUÊN THÙ

Đời Đường, có hai ông quan đều có tài là Quách Tử Nghi và Lí Quang Bật. Hai người cùng làm phó tướng cho An Tử Thuận. Nhưng tính khí hai người khác hẳn nhau. Họ lại còn ghét nhau nữa, đến mức gặp nhau không thèm chào, cùng ngồi một xe hoặc cùng dự tiệc một bàn mà không nói với nhau một câu nào. Thiên hạ cho rằng họ là tử thù của nhau.

Đến khi Quách Tử Nghi được cử làm tướng thay cho An Tử Thuận, Lí Quang Bật phải ở dưới quyền.

Thời đó một vị tướng quốc có quyền sinh, quyền sát đối với người khác. Quang Bật rất lo cho gia quyến mình, liền quyết tâm đến nói với Tử Nghi.

– Tôi với ngài vốn có cựu hiềm. Phần tôi dù chết cũng cam tội. Nhưng xin ngài rộng lượng đừng sát hại vợ con tôi.

Quách Tử Nghi nghe nói thế, chạy đến nắm tay Lí Quang Bật và nói rằng :

– Xin ông đừng nghĩ quẩn, tôi không oán thù gì ông. Hiện nay nước nhà đương loạn lạc. Tôi mong ông vui lòng cộng tác với tôi để yên lòng dân, vì nghĩa lớn...

Sau đó, Tử Nghi cử Quang Bật làm Tiết độ sứ, một chức vụ quan trọng.

Quang Bật xúc động và hối hận, hết lòng giúp Tử Nghi đánh giặc và trị nước.

12. TRỌNG NGHĨA HƠN TIỀN TÀI

Đời Tống có một ông tể tướng tên là Phạm Trọng Yên nổi tiếng là người trọng nghĩa hơn tiền tài.

Ông quyền cao chức trọng mà cuộc sống vẫn thanh đạm, suốt đời chỉ chăm lo đến việc cứu giúp những người nghèo trong thiên hạ. Chính ông đã thực hiện khẩu hiệu “Lo trước cái lo của thiên hạ, vui sau cái vui của thiên hạ”.

Có một lần ông sai con là Thuần Nhân chở một thuyền có năm trăm thúng thóc về quê giúp dân.

Trên đường về, Thuần Nhân vào thăm một người bạn cũ của cha là Thạch Mãn Khanh đương trong cảnh cùng quần vì vừa gặp ba cái tang một lúc, lại có hai người con gái lớn tuổi mà không có chồng, chẳng biết nương tựa vào đâu. Thuần Nhân liền giúp cho cả năm trăm thúng thóc.

Khi trở về kể chuyện cho cha. Phạm Trọng Yên nói:

– Sao con không cho nốt cả cái thuyền?

Thuần Nhân đáp:

– Thưa cha, con cũng đã tặng cả chiếc thuyền rồi.

Phạm Trọng Yên khen:

– Có như thế con mới xứng là con ta.

13. CƠM PHIẾU MẪU

Hàn Tín lúc hàn vi vì nghèo phải ăn bám vào một số người, nên không ai ưa.

Tín thường đến ăn nhờ ở nhà một người đình trưởng. Nhưng cứ ăn không, người ta cũng ghét.

Một hôm Tín đến nhà đình trưởng, thấy vợ người này ngồi trên phản ăn cơm, chị ta không cho Tín ăn. Tín buồn rầu ra đi.

Hằng ngày Tín ra cái hang ở dưới thành câu cá, nhưng chẳng được là bao, nên bị đói.

May có một bà giặt vải trông thấy, thương tình, bà nhường cho một phần cơm của bà trong nhiều ngày.

Đến khi bà giặt hết vải, Tín cảm ơn bà và nói :

– Sau này, cháu sẽ đền ơn bà xứng đáng.

Bà ta trả lời :

– Tôi thấy cậu đói, nên mới cho ăn, chứ mong gì cậu báo đáp đâu.

Ít lâu sau, Hàn Tín theo Hạng Lương, rồi Hạng Vũ, nhưng không được trọng dụng. Tín bèn sang đất Hán.

May gặp được thừa tướng Tiêu Hà. Thừa tướng giới thiệu với vua Hán.

Hàn Tín được Hán Vương tin yêu và phong cho làm đại tướng.

Lúc vinh hiển, Hàn Tín nhớ đến ơn bà giặt vải (phiếu mẫu : bà mẹ giặt vải), quay về, biếu bà nghìn lạng vàng.

Do đó có câu : “Bát cơm phiếu mẫu, trả ơn nghìn vàng”.

14. NGƯỜI CHÍNH TRỰC

Arixtít là một tướng có tài của thành quốc Aten. Sau khi chiến thắng về vang quân xâm lược Ba Tư ở Maratông, ông có những ý kiến bất đồng với Têmixtôclơ nên bị đi đày.

Nhưng khi quân Ba Tư lại đem đại đội binh mã đến xâm lược Hi Lạp lần nữa, ông cấp tốc trở về, nói với Têmixtôclơ rằng :

– Ông vẫn có thể không đồng ý với tôi, nhưng trước mắt phải cứu Tổ quốc đã.

Têmixtôclơ giàn hoà với Arixtít và cùng nhau bàn việc đánh giặc.

Trong trận đánh ở Platê, có sự tranh giành những phần đất chiếm được giữa người Aten và người Xpáctơ. Ông nói :

– Chúng ta đến đây để bảo vệ Tổ quốc Hi Lạp, chứ không phải để tranh giành nhau.

Ông yêu cầu quân đội Aten nhường nhịn quân đội Xpáctơ. Hai bên lại cùng nhau chiến đấu chống quân xâm lược Ba Tư và đã lập được chiến công hiển hách ở Platê và ở Xalamin.

Song sau đó, hai bên lại có xích mích. Arixtít lại ra sức giàn hoà để Aten và Xpáctơ phối hợp với nhau bảo vệ Tổ quốc chung là Hi Lạp.

Ông đi đến đâu, người ta cũng đều nghe theo lẽ phải. Cả hai bên đều giao cho ông soạn những điều kiện của một hiệp định đồng minh.

Ông đã nêu lên nhiệm vụ chung là bảo vệ đất nước Hi Lạp nhưng mỗi thành quốc vẫn giữ quyền độc lập về mặt nội trị. Mọi người đều đồng ý.

Ông đã đi đến các miền của cả hai thành quốc, hô hào nhân dân đóng góp để xây dựng một quỹ chung của toàn Hi Lạp.

Mọi người đều hưởng ứng và cả hai thành quốc đều giao cho ông quản lí quỹ chung ấy.

Ông tỏ ra hết sức trung thực đến mức cả người Aten và người Xpácơ đều đặt cho ông cái tên là "Người chính trực".

Đức độ của ông còn sáng ngời trong lịch sử Hi Lạp.

15. CÂU TRẢ LỜI CƯƠNG TRỰC

Đơnít cha là tên bạo chúa ở đảo Xixin.

Có lần, Đơnít ngỏ ý muốn kết hôn với con gái của Arixítít người bạn của triết gia Platông.

Arixítít nói :

– Thà chết chứ không thể gả con gái cho một tên bạo chúa.

Để trả thù, Đơnít cha ra lệnh giết hết những con cái khác của Arixítít và hỏi ông có còn giữ ý kiến là không gả con gái cho mình không ?

Arixítít trả lời :

– Ta thất vọng về việc mi đã làm, nhưng ta không hối hận về lời ta đã nói.

16. NGƯỜI CƯƠNG TRỰC KHÔNG SỢ CHẾT

Trong thời Xuân Thu, ở nước Tề, quyền bính ở trong tay một tên quyền thần là Thôi Trữ. Thôi Trữ muốn hạ sát vua Trang Công để lên ngôi báu. Thôi Trữ liền họp các quan trong triều lại để ăn thề. Mọi người đều sợ hãi vâng theo. Riêng có Án Anh, một sĩ phu cương trực, nhất quyết không tán thành.

Thôi Trữ lấy lời dụ dỗ và đe dọa Án Anh : "Người theo ta, ta sẽ chia cho nửa đất nước, bằng không ta sẽ giết người".

Trước mặt bọn quân lính lăm lăm gươm giáo, Án Anh vẫn bình tĩnh nói :

- Lấy lợi mà dụ người ta làm điều phản bội là bất nhân. Lấy giáo mác mà dọa cho người ta mất chí khí là bất dũng. Giết thì giết, chứ ta không chịu khuất kẻ bất nhân, bất dũng.

Nghe lời nói khảng khái và cương trực như thế, Thôi Trữ không dám sát hại Án Anh. Án Anh ung dung đứng dậy và lững thững bước ra.

17. HÃY ĐƯA TÔI TRỞ VỀ HANG ĐÁ

Ở thế kỉ thứ V trước Công nguyên, trên đảo Xixin có một tiểu quốc tên là Xiraquydơ – một xứ đẹp và trù phú, nhưng nhân dân đau khổ dưới ánh thống trị của hai cha con tên bạo chúa Đơnit.

Độc ác nhất là tên Đơnit cha. Đơnit cướp ngôi từ năm 25 tuổi và trị vì trong 38 năm. Đó là một thời kì gieo nhiều tai vạ cho nhân dân xứ ấy: bóc lột mọi người đến xương tủy và vợ vét mọi của cải cho đầy túi tham, tàn sát những người chống đối lại. Một lần y muốn lấy một người con gái của Arixtít, người bạn của triết gia Platông. Biết tin ấy Arixtít đã thẳng thắn trả lời : “Thà chết chứ không thể gả con gái cho một bạo chúa!”.

Thế là sau một thời gian, Đơnit đã giết toàn bộ các con của Arixtít.

Bất kể người nào Đơnit nghi là phản y đều ra lệnh giết ngay.

Trong cuộc chơi đánh quần, y giao thanh bảo kiếm cho một người hầu cận. Một người đứng đó nói đùa :

– Ngài không sợ anh ta dùng bảo kiếm giết ngài ư ?

Nghe nói thế, người hầu cận mỉm cười.

Tên bạo chúa ra lệnh xử tử cả hai người : một người vì đã chỉ cách cho người hầu cận giết y, một người đã mỉm cười hình như tán thành ý đó.

Đơnit lại còn làm thơ và muốn mọi người phải ca tụng thi phẩm của mình.

Một hôm, trong một bữa tiệc thết những thương nhân trong nước, y

đọc một bài thơ mới làm và hỏi ý kiến thi sĩ Philôxen. Nhà thơ đã nói thẳng ý kiến của mình, làm cho cử tọa cười ồ. Đơnit liền ra lệnh đẩy Philôxen ra một cái hang đá là nơi dùng làm ngục.

Mấy tháng sau, cũng trong một bữa yến tiệc, tên bạo chúa nhớ đến Philôxen, cho người đi mời ông về dự.

Cuối bữa tiệc, Đơnit lại đọc một bài thơ mới sáng tác và hỏi ý kiến của nhà thơ. Thi sĩ bình tĩnh nói :

– Hãy đưa tôi trở về hang đá !

18. KHÔNG THIẾT VÀNG CHẴNG SỢ VOI

Piruyt là vua xứ Epiros ở Hi Lạp, đem quân sang đánh La Mã. Người La Mã cương quyết chống cự. Sau một số trận, hai bên đều bắt được một số tù binh.

Piruyt cử một phái đoàn sang phía La Mã đề nghị giảng hòa, nhưng vẫn đóng quân trên đất Ý. Nghị viện La Mã cũng cử một phái đoàn cho nghị sĩ Phabrixuyt sang thương thuyết để đòi quân đội Hi Lạp phải trở về nước.

Khi Phabrixuyt đến nơi, Piruyt đón tiếp nồng hậu và tặng một số vàng. Phabrixuyt không nhận.

Ngày hôm sau, muốn đe dọa phái bộ La Mã, Piruyt vì biết rằng người La Mã chưa được biết con voi, một động vật khổng lồ, nên bố trí một con voi đến nơi sẽ bàn bạc, nhưng giấu nó sau một tấm thảm.

Khi Phabrixuyt ngồi yên chỗ thì tấm thảm được kéo lên, con voi giờ vùi lên đầu Phabrixuyt và rống lên một tiếng kinh hồn. Phabrixuyt bình tĩnh nói với Piruyt :

– Hôm qua vàng của ngài không khiến tôi cảm động còn hôm nay con voi của ngài cũng chẳng có tác dụng gì hơn.

19. LỜI NÓI THẮNG CỦA ANNIBAN

Anniban là một tướng giỏi của Cáctagiơ, ở gần thành phố Tunis hiện nay, và là kẻ thù không đội trời chung của quân đội La Mã trong thế kỉ thứ III trước Công nguyên. Sau khi thắng quân La Mã ở Cannơ, ông bị triệu hồi về Cáctagiơ, rồi ông bị thất bại nặng nề, phải chạy sang giúp vua Ăngtiôcốt ở nước Xiri, cũng là người chống đối người La Mã.

Ăngtiôcốt xây dựng một đạo quân lớn để đi đánh quân La Mã.

Một hôm, ông dẫn Anniban đến duyệt đội quân ấy, gồm những binh lính ăn mặc sang trọng với những đồ trang sức bằng vàng bạc sáng ngời, những kị binh oai vệ cưỡi những con ngựa đống yên nạm bạc rực rỡ, những cỗ xe đầy ắp gươm giáo chói lọi...

Với con mắt của một vị tướng dày kinh nghiệm, Anniban cảm thấy đội quân ấy không có khí thế chiến đấu. Nhưng Ăngtiôcốt lại rất tự hào về đội quân hào nhoáng của mình, nên hỏi Anniban :

– Anh xem đạo quân này có đẹp không, liệu đã đủ đánh bại được quân La Mã chưa ?

Anniban chậm rãi trả lời :

– Rất đủ cho người La Mã, dù họ có tham lam vơ vét đến mức nào.

20. NGUỒN GỐC TẾT MÔNG BA THÁNG BA

Trùng Nhĩ là công tử nước Tấn, em là Tấn Huệ Công, sợ anh trở về cướp ngôi sai người đi mưu sát, Trùng Nhĩ cùng một số người tâm phúc, trong đó có Giới Tử Thôi, chạy trốn ra nước ngoài.

Đi đường họ bị kẻ gian cướp hết vàng bạc, châu báu. Không có lương ăn, thầy trò vừa chạy vừa bị đói. Có kẻ tùy tùng nói : “Hay là ta vào các thôn xóm cướp lấy lương ăn”. Trùng Nhĩ can rằng :

– Cướp phá như thế là đạo tặc. Chẳng thà chết đói còn hơn.

Những người đi theo vào rừng kiếm rau hoang về ăn, nhưng Trùng Nhĩ không nuốt được và người cứ lả đi.

Bỗng Giới Tử Thôi đem dâng một bát cháo thịt. Trùng Nhĩ ăn thấy ngon miệng, mới hỏi Tử Thôi :

– Anh lấy đâu được thịt thế này ?

Tử Thôi trả lời :

– Tôi nghe nói : người con hiếu bỏ thân mình để thờ cha mẹ, người trung thần bỏ thân vì chúa. Nay công tử đói, tôi cắt thịt đùi nấu cháo dâng lên.

Trùng Nhĩ ứa nước mắt mà rằng :

– Ơn này biết bao giờ đền được !

Rồi thầy trò cũng đến được nước Tề. Sau chuyến bôn ba ở một số nước, Trùng Nhĩ lấy lại được ngôi báu, lên làm vua, hiệu là Tấn Văn Công.

Tấn Văn Công ban thưởng chức tước cho những người có công phục quốc.

Giới Tử Thôi vốn người điếm đạ, liêm khiết, thấy những kẻ chung quanh ý thể làm xằng, khinh bỉ chúng, nên cáo ốm, rút lui về quê, yên phận nghèo, khâu giày thuê, lấy tiền nuôi mẹ.

Mẹ Giới Tử Thôi nói với con :

– Con khó nhọc theo giúp Trùng Nhĩ. Nay Tấn Văn Công ban thưởng cho những người tòng vong, sao con không ra nhận ơn mưa móc.

Tử Thôi nói :

– Con đã không muốn làm quan thì vào yết kiến làm gì ?

Bà mẹ nói :

– Con đã là người trọng liêm sỉ lẽ nào mẹ lại tỏ ra không xứng đáng với con ?

Tử Thôi mừng quá, cũng mẹ vào sống ở một cái hang trong rừng sâu, săn hái nuôi mẹ.

Khi có người báo tin ấy cho Tấn Văn Công, nhà vua hối hận, cho người đi tìm kiếm Giới Tử Thôi.

Được biết Giới Tử Thôi đã cũng mẹ vào sống trong rừng, nhưng tướng sĩ đi tìm không thấy.

Tấn Văn Công cho rằng Tử Thôi vốn là người có hiếu, nếu đốt rừng chắc ông sẽ đem mẹ ra.

Do đó nhà vua ra lệnh đốt cả khu rừng. Sau ba ngày, cả khu rừng bị cháy hết. Quân lính tìm thấy thi hài hai mẹ con Giới tử Thôi ôm nhau chết thiêu dưới một gốc cây.

Tấn Văn Công ứa nước mắt khóc, truyền cho mai táng trọng thể và lập đền thờ.

Cảm phục lòng khảng khái của Giới Tử Thôi, nhân dân trong nước lấy ngày hôm ấy là ngày mồng ba tháng ba, làm ngày không đốt lửa nấu ăn, mà chỉ ăn đồ lạnh.

Từ đó, ngày mồng ba tháng ba là tiết hàn thực.

21. THẾ NÀO LÀ TRI KỶ

Lịch sử Trung hoa có kể hai cặp bạn tri kỷ. Đó là Chung Tử Kỳ với Bá Nha và Bảo Thúc Nha với Quản Di Ngô tức Quản Trọng.

Chung Tử Kỳ là người thời Xuân Thu, bạn tri âm của một nhạc sĩ giỏi là Bá Nha. Một hôm, Bá Nha đánh đàn cho Tử Kỳ nghe. Khi đàn, Bá Nha nghĩ đến núi, Tử Kỳ khen là tiếng đàn vọi vọi như núi cao; đến khi Bá Nha đàn mà nghĩ đến dòng sông, thì Tử Kỳ khen là tiếng đàn như cuộn cuộn như nước sông. Bá Nha cho rằng hiểu được mình chỉ có Tử Kỳ. Cho nên, khi Tử Kỳ từ trần, Bá Nha đập đàn đi, không gảy nữa !

Bảo Thúc Nha và Quản Di Ngô là hai người bạn từ lúc hàn vi. Đi buôn với nhau, khi chia lã, bao giờ Bảo Thúc cũng để cho Quản Trọng nhận phần hơn, vì biết rằng Quản Trọng có mẹ già và gia đình quần bách. Khi Quản Trọng chịu nhịn trước sự doạ nạt của bọn côn đồ, Bảo Thúc Nha không chê là nhát vì hiểu rằng Quản Trọng có bụng bao dung. Quản Trọng ba lần ra trận bị thua, ba lần làm quan bị giáng, Bảo Thúc Nha không chê là bất tài vì hiểu rõ hoàn cảnh. Chính Bảo Thúc đã hiểu được tài năng của Quản Trọng, nên đã tiến cử Quản Trọng cho Tể Hoàn Công.

Đến khi Bảo Thúc Nha chết, Quản Trọng khóc như mưa và nói rằng :
"Sinh ta là cha m ẹ, hiểu rõ ta là Bảo Thúc Nha".

22. LƯỢNG CẢ BAO DUNG

Một buổi tối, Vua Trang Vương nước Sở thời Chiến Quốc, đãi tiệc rượu cho bá quan. Vua tột đang ngà ngà say thì một ngọn gió mạnh thổi tắt hết đèn nến.

Lúc đó, một viên quan kéo áo người cung nữ đứng bên cạnh. Người cung nữ liền giật đứt cái dải mũ của viên quan ấy rồi đến tâu với vua :

– Có một viên quan kéo áo gheo thiếp, thiếp giật được dải mũ của anh ta. Xin bệ hạ cho thắp đèn nến lên, kẻ nào mất dải mũ là kẻ đã ngạo mạn gheo thiếp.

Vua Trang Vương cười và nói :

– Cho người ta uống rượu say thì người ta quên cả lễ phép.

Đoạn vua phán :

– Hôm nay trẫm muốn mọi người đều say đến đứt cả dải mũ thì mới thực là vui.

Các quan đều rầm rập đứt dải mũ của mình. Khi đèn nến thắp lại, mũ ai cũng không còn dải nên không biết là ai đã gheo cung nữ.

Hai năm sau, có cuộc chiến tranh giữa nước Sở và nước Tấn. Cuộc chiến đấu rất căng, Trang Vương nhận thấy ở bên cạnh mình có một võ quan xông xáo đánh rất hăng và luôn luôn che chở cho vua. Kết quả quân Sở đã thắng.

Trang Vương cho đòi viên quan võ ấy lại hỏi :

– Trẫm đối với nhà ngươi cũng như đối với mọi người khác, sao trong

cuộc chiến đấu vừa qua, nhà ngươi rất dũng cảm che chở cho trăm đến cùng ?

Người võ quan thưa :

– Muôn tâu bệ hạ, kẻ hạ thần là Tướng Hùng, người trước kia đã đại đột kéo áo cung nữ, bị giạt dải mũ. May nhờ bệ hạ không nổi tội, nên kẻ hạ thần chỉ chờ dịp để báo đền ơn trời biển. Thực là may cho kẻ hạ thần.

Vua Trang Vương thấy rõ là việc bao dung của mình đã được báo đáp.

23. CỨU NGƯỜI ĐÃ KẾT ÁN CHẶT CHÂN MÌNH

Trong thời Xuân Thu ở nước Vệ có một vị quan chuyên xét việc ngục hình, tên là Quý Cao.

Có một lần Quý Cao đã phải kết án chặt chân một người.

Về sau, nước Vệ có nội loạn, các quan chức phải chạy trốn, trong số đó có Quý Cao.

Khi chạy đến cổng thành, thì thấy người giữ cổng lại là người mà trước kia Quý Cao đã kết án chặt chân. Không ngờ chính người đó lại tìm mọi cách cứu thoát Quý Cao.

Sau khi thoát nạn, Quý Cao hỏi người giữ cổng thành:

- Trước kia, tôi theo phép nước kết án chặt chân anh, nay tôi gặp nạn, sao anh lại chỉ lối cho tôi trốn?

Người giữ cổng trả lời:

- Tôi có tội, theo phép nước, đáng bị chặt chân. Nhưng khi ông luận tội, tôi thấy ông đã tìm cách nới tay để làm nhẹ tội cho tôi. Lúc tôi bị chặt chân, tôi thấy nét mặt ông buồn rầu, bút rút. Tôi thấy rõ tấm lòng của một bậc quân tử, nên tôi cứu ông.

Nghe chuyện ấy, Khổng Tử khen Quý Cao là người dùng pháp luật mà có lòng nhân từ.

Thực ra người đáng khen hơn Quý Cao chính lại là người giữ cổng thành mà lịch sử chẳng để lại tên tuổi.

24. CỨU NGƯỜI ĐÂU PHẢI VÌ LỢI

Vì muốn báo thù cho cha bị Sở Bình Vương giết, Ngũ Tử Tư bỏ nước Sở sang nước Ngô.

Vua Sở ra lệnh : "Ai bắt được Ngũ Tử Tư sẽ được trọng thưởng".

Ngũ Tử Tư bị quân Sở đuổi, phải bỏ chạy, giữa đường gặp một con sông. May sao dưới sông có một chiếc thuyền đánh cá. Cụ lái đò chở Ngũ Tử Tư qua sông.

Khi đến bờ bên kia, Tử Tư cời thanh kiếm nói :

- Thanh kiếm này đáng giá trăm lạng vàng, xin biểu cụ.

Cụ ngư ông trả lời :

- Theo lệnh nước Sở, ai bắt được Ngũ Tử Tư thì được thưởng năm vạn thạch lúa và cho hưởng tước quan to. ta biết anh là Ngũ Tử Tư, muốn cứu anh, chứ cái kiếm của anh có nghĩa lí gì.

Ngũ Tử Tư vô cùng cảm động trước thái độ cao thượng của ông cụ đánh cá.

25. LIỀU CHẾT THEO THẦY HỌC ĐẠO

Có một thời, những người cầm quyền thành quốc Aten căm thù nhân dân nước láng giềng là Mêgarơ, đến mức quyết định hễ một người dân nào của nước này sang nước mình sẽ bị xử tử.

Song thanh niên Mêgarơ cũng như thanh niên Aten rất mê triết gia Xôcrát, một ông thầy có phương pháp giảng dạy độc đáo gọi là phương pháp “đỡ đỡ”, tức là bằng những câu hỏi, ông khiến học trò tự mình tìm ra chân lí về các vấn đề đạo đức mà ông cho là mục đích chủ yếu của triết học. Ông không dạy bằng sách vở và chẳng để lại một tác phẩm nào. Nhưng đồ đệ của ông thì rất đông, trong số đó có những triết gia lỗi lạc như Platông, Xê nôphông, Arix tôphan là những người đã ghi lại những lời dạy của ông.

Thanh niên Mêgarơ sang học ông, nếu bị bắt thì phải chết. Ấy thế mà họ vẫn cứ liều chết mà đến với thầy. Trong số họ, có Ơcơlít (*), cứ khi màn đêm phủ xuống Ơcơlít khoác một áo dài và trùm một cái khăn, giả làm phụ nữ trốn sang nghe Xôcrát giảng dạy, rồi đến gần sáng lại trở về Mêgarơ.

Chính vì thanh niên tha thiết học Xôcrát, mà chính quyền Aten không tán thành và kết án ông là đã làm hư hỏng thanh niên. Họ bắt ông phải uống nước cây độc cần. Cho đến phút cuối cùng ông vẫn bình tĩnh trò chuyện thản nhiên với môn đệ, không tỏ ra một chút gì là sợ hãi.

(*) Không phải là nhà toán học trùng tên sống sau đó một thế kỉ.

26. DŨNG CẢM HƠN NGƯỜI

Một người xứ Tétxali đem đến bán cho vua Philíp nước Maxêđoan một con ngựa rất khỏe và đẹp mã, tên là Buxêphan.

Nhà vua sai kị mã thử cưỡi ngựa, nhưng không ai trèo được lên lưng nó. Trong số quần thần có một vài người cũng thử mà không được. Cứ sờ đến ngựa là nó cất vó và đá.

Philíp cho là con ngựa bất kham và không muốn mua. Thái tử Alếchxăng tâu rằng :

- Con ngựa này đẹp quá, không mua thì uổng. Xin phụ vương cho con thử cưỡi.

Vua Philíp cũng ngại, nhưng Alếchxăng năn nỉ nên nhà vua phải ưng. Cả triều thần cũng lo sợ.

Khi những người khác thử ngựa, Alếchxăng đã chú ý theo dõi và thấy rằng con ngựa ấy có chứng sợ bóng của nó dưới đất.

Trong khi con ngựa còn đương thử hồng học, thái tử lấy lời lẽ ngọt ngào dỗ dành và lấy tay vuốt ve nó. Khi thấy ngựa đã thuần, thái tử bèn cầm lấy dây cương, kéo cho đầu ngựa quay về phía mặt trời, rồi nhảy lên lưng nó. Thái tử gò cương thật chặt, nhưng không đánh, không thúc. Khi thấy con ngựa như muốn chạy thì buông lỏng cương, thét lên một tiếng, lấy gót chân thúc vào bụng ngựa và cho chạy nước đại.

Vua Philíp và đình thần lo ngại, hồi hộp.

Đến khi thái tử cho ngựa quay về, mặt mày hớn hởi, nhà vua và triều thần cả mừng, vỗ tay khen.

Từ đó Buxêphan trở thành con ngựa quý của Alếchxăng và đã theo chàng đi xung trận khắp nơi.

27. MỘT EM BÉ GAN DẠ

Ở xứ Maxêđoan xưa, có tục lệ là khi nhà vua làm lễ tế thần, phải có một cậu bé con nhà quý phái đứng bên cạnh dâng hương, giơ cao một bình hương có than hồng.

Chẳng may, trong một buổi lễ, khi Hoàng đế Alếchxăng đương hành lễ, một cục than đỏ rơi xuống cánh tay em bé cầm bình hương.

Than đốt cháy da thịt xèo xèo, mùi khét xông lên.

Em bé đau dữ dội, nhưng để cho buổi lễ giữ được tính nghiêm trang, em bé cắn răng chịu đựng, không nhúc nhích.

Buổi lễ kết thúc, nhà vua ôm em bé, ca ngợi tinh thần dũng cảm của em, xứng đáng với một dân tộc anh hùng.

28. PHẢI CHĂNG LÀ TÀ THUẬT

Ở nước La Mã cổ có một người nông dân nguyên là nô lệ đã được giải phóng. Anh ta chỉ có một thửa ruộng nhỏ, nhưng mùa nào lúa má của anh cũng rất tốt và gia đình anh cũng gặt hái được những vụ thóc đầy ắp.

Trong khi đó, thì những nhà hàng xóm tuy có ruộng nương rộng gấp nhiều lần mà mùa màng thì thất bát thảm hại.

Ai nấy đều ghen ghét anh và cho rằng anh đã dùng những tà thuật ma quái lấy hết chất màu mỡ ở ruộng người khác về ruộng nhà mình.

Người ta làm đơn kiện anh và bắt anh phải ra tòa.

Hôm ra hầu tòa, anh đem theo cả vợ con, người nào người nấy đều khoẻ mạnh, vạm vỡ, đồng thời anh dắt theo mấy con bò béo tốt và những lưỡi cày sắc bén, những bàn cuốc to và nặng, rồi anh trình tòa rằng :

– Đây là những tà thuật của tôi, tiếc rằng còn có những thứ có thể làm chứng cho tôi mà tôi không thể phô bày ở đây được. Đó là công lao một nắng hai sương, đó là những giọt mồ hôi đổ ròng ròng, đó là những gánh phân đêm đêm chúng tôi phải đem ra đổ ruộng...

Trước những chứng cứ rành rành, tòa án phải tha bổng cho anh.

29. ALÉCHXĂNG ĐẠI ĐẾ SỐNG GIẢN DỊ

Là một vị đại đế, đánh đông dẹp bắc, bách chiến bách thắng, thế mà Aléchxăng luôn luôn giữ được một nếp sống thanh đạm.

Có một bà chịu ơn ông là nữ vương Ađa xứ Cari gửi đến những thực phẩm cao quý và sai những người nấu bếp giỏi đến làm bánh cho ông ăn. Nhưng Aléchxăng đã cảm tạ và từ chối.

Sáng nào, ông cũng dậy thật sớm, đi bộ hàng giờ rồi mới về ăn sáng, nên ăn rất ngon miệng. Thức ăn bữa trưa và bữa tối cũng rất đơn giản.

Ông ra lệnh cho người hầu cận không được cho ông nằm giường đệm quá êm, quá ấm, vì cho là như thế sẽ hư thân đi.

Những khi dân địa phương dâng thịt, cá, hoặc sơn hào hải vị, ông đều ban cho quần thần cả.

Vì sống thanh đạm, nên ông rất khỏe. Có lần ông đã vật nổi một con sư tử, nên sứ thần nước Xpáctơ đã nói :

– Bệ hạ tranh đế vị với sư tử, thật vinh quang quá.

30. TIN Ở BẠN

Trên đường đi đánh nước Ba Tư, Alếchxăng bị ốm nặng. Các quan ngự y thấy bệnh nguy cấp, không dám bốc thuốc vì sợ trách nhiệm.

Riêng có thầy thuốc Philíp là người được Alếchxăng tin nhiệm, nghĩ rằng nếu sợ trách nhiệm mà không chữa cho nhà vua thì không đành, nên đã dùng một phương thuốc rất mạnh, một là sẽ thành công, hai là đành chịu tội.

Thấy Philíp bốc thuốc, một kẻ vốn không ưa ông viết một bức sớ dâng Alếchxăng nói rằng Philíp đã nhận mật ước với địch để đầu độc nhà vua, sau này sẽ được thưởng nhiều vàng ngọc và được kết duyên với công chúa Ba Tư.

Alếchxăng đọc tờ mật sớ, chẳng nói với ai, chỉ bỏ xuống dưới gối.

Khi Philíp sắc thuốc xong đem vào dâng cho Alếchxăng uống. Nhà vua một tay đưa cho Philíp bức mật sớ, một tay cầm bát thuốc và uống một hơi.

Song thuốc quá mạnh, nên vừa uống khỏi miệng, thì Alếchxăng bất tỉnh nhân sự. Philíp tiếp tục săn sóc nhà vua. Một lúc sau, Alếchxăng tỉnh dậy rồi cố gắng đứng lên cho quần thần trông thấy. Mọi người đều mừng rỡ.

Khi biết chuyện, ai nấy đều kính phục lòng tin bạn của nhà vua.

31. CÙNG CHỊU KHÁT VỚI QUÂN LÍNH

Alếchxăng cùng với đội kỵ binh đi qua một bãi sa mạc, ròn rã trong mười một ngày rồi. Trời nắng như thiêu như đốt, cát nóng bốc lên làm cho khó thở. Nước đem theo đã hết, mọi người đều khát đến bỏng cả cổ.

Bỗng có hai người dân Maxêđoan dắt đến một con la mang một thùng nước. Một người múc nước vào một cái mũ sắt dăng lên cho Alếchxăng.

Alếchxăng hỏi nước ấy đem đi đâu. Họ trả lời :

- Nước này chúng tôi kiếm được từ xa, đem về cho lũ con đường là đi vì khát. Nhưng nhà vua cũng khát, xin để Người uống trước.

Alếchxăng cầm lấy chiếc mũ, nhưng thấy tướng sĩ đều ngoảnh cổ nhìn một cách thèm thuồng, ông liền trả mũ nước và nói :

- Trẫm không thể uống một mình, trong khi toàn quân đang khát. Cảm ơn lòng tốt của các người. Các người hãy mau mau đem nước về cho các cháu nhỏ.

Thấy nhà vua cũng nhịn khát, tướng sĩ đều cảm phục và thúc ngựa tiến nhanh về phía trước.

32. LÀM GƯƠNG CHO TƯỚNG SĨ

Alếchxăng tiến quân vào nước Ba Tư với một nghìn kỵ binh và một số đông lục quân.

Hồi đó đương là mùa đông. Vì không thông thạo địa hình, đạo quân đã tiến vào một triền núi, lại phải đi qua một vùng cả năm có tuyết. Vì lạnh quá, tuyết đã đóng thành băng (rắn như đá). Quân lính rét run cầm cập, lại bị những mảnh băng cứa vào chân. Họ tưởng đương dẫm nhau vào chỗ chết, nên mất hết dũng khí.

Nhìn thấy thế, Alếchxăng không những chẳng quở mắng họ, mà còn tự mình xuống ngựa, đi bộ qua những đám băng, tay cầm một cái cốc chim, vừa đi vừa chặt những mảnh băng sắc. Các tướng lĩnh noi gương chủ tướng cũng xuống ngựa đi theo. Quân lính nhìn thấy thế, không thể chùn bước. Do đó chẳng bao lâu, đạo quân đã vượt khỏi thung lũng đóng băng và đến một nơi đã có dân cư sinh sống.

Thế là nhờ gương dũng cảm của nhà vua mà cả đạo quân đã vào sâu được nước Ba Tư sau ba mươi ngày gian khổ.

33. NHƯỜNG GHẾ CHO LÍNH

Trong cuộc tiến quân vào miền Tây Bắc nước Ấn Độ, đạo quân của Alếchxăng phải trải qua một giai đoạn đầy thử thách, vì đương là mùa đông, lại có một đợt rét như chưa từng có bao giờ. Nhiều binh lính đã chết vì rét.

Vua Alếchxăng một mình xông xáo khắp nơi, tập hợp lại những người đi tản mạn, thấy người nào ngã thì đỡ dậy và khuyên nhủ họ cố gắng bước tới. Gương sáng của nhà vua đã kích thích được toàn quân.

Một hôm trong khi tướng sĩ chuẩn bị dựng trại đóng quân, Alếchxăng ngồi sưởi trước đám lửa trại, trên một cái ghế mà người ta vẫn đem theo để ông ngồi.

Bỗng nhà vua nhìn thấy một người lính đương cố lết đi và sắp ngã xuống, ông vội vàng chạy lại, xốc anh ta lên rồi kéo vào đám lửa trại, cho anh ta ngồi trên ghế của mình.

Một lúc sau được sưởi ấm, anh tỉnh ra. Thấy mình ngồi trên ghế của nhà vua, anh sợ hãi đứng dậy.

Alếchxăng bảo anh ta cứ ngồi sưởi, rồi nói rằng :

- Anh đã thấy sự khác biệt giữa anh và lính Ba Tư chưa ? Nếu họ mà ngồi lên trên ghế của vua họ, thì họ mất đầu, còn anh thì chính trẫm để cho anh ngồi trên ghế của trẫm.

Cử chỉ đó của Alếchxăng đã khiến cho cả đạo quân cảm động.

34. HẬU ĐÃI GIA QUYẾN KẼ ĐỊCH

Sau khi đại thắng quân Ba Tư khiến vua Ba Tư là Đariuyt phải chạy trốn, Alếchxăng vào thành Itxút, chiếm toàn bộ kho tàng.

Trong số tù binh bị bắt, có cả mẹ, vợ và hai con gái của Đariuyt. Những người này tưởng rằng Đariuyt đã chết, nên than khóc âm ỉ.

Alếchxăng động lòng thương, cho người ra báo với họ là Đariuyt chưa chết chỉ chạy trốn mà thôi. Ông ra lệnh cho tướng tá đưa các bà hoàng và công chúa vào ở riêng một cung cấm, với những thị tì hầu hạ và tất cả những tiện nghi trong cuộc sống.

Ông cấm quân lính không được bén mảng đến nơi cung cấm.

Những người phụ nữ Ba Tư này rất đẹp. Khi Alếchxăng đến thăm họ, bao giờ cũng giữ lễ độ và tự kiểm chế, tuy rằng ông đã nói: "Những phụ nữ Ba Tư là một cái khổ cho con mắt".

Chính vì thế mà mẹ, vợ và con gái của Đariuyt rất biết ơn ông.

Sau này, khi biết tin Alếchxăng từ trần, bà mẹ của Đariuyt khóc lóc thảm thiết và nhịn ăn cho đến chết.

35. TRỌNG SÁCH

Khi Alếchxăng chiếm được thành Gada, kinh đô nước Xi Ri lúc bấy giờ, tướng sĩ thấy trong số châu báu ở trong kho, có một cái tráp rất quý.

Tướng sĩ đem đến trình nhà vua. Alếchxăng cũng trầm trồ khen ngợi và hỏi quần thần :

- Ta nên đựng gì trong cái tráp này cho thực xứng đáng ?

Mọi người đều tâu mỗi người một ý.

Sau cùng Alếchxăng nói :

- Theo ý trẫm, chỉ có một thứ đáng đựng trong tráp ấy. Đó là quyển Iliát, vì quyển này đã giúp cho trẫm và toàn quân bách chiến bách thắng.

36. CŨNG ƯỚC LÀ ĐIÔGIEN

Điôgien, một triết gia Hi Lạp trong thế kỉ thứ IV trước Công nguyên, là người coi khinh mọi tài sản vật chất, đến mức hằng ngày chỉ sống trong một cái thùng gỗ.

Một hôm, nhân dân Hi Lạp hội họp ở eo biển Côranhtơ, để hoan nghênh người anh hùng Alếchxăng. Các danh sĩ trong vùng đều đến yết kiến đủ mặt. Riêng có triết gia Điôgien không đến.

Alếchxăng thân chinh đến thăm ông. Khi quan quân, ngựa xe ầm ầm kéo đến, Điôgien đương nằm sưởi nắng.

Alếchxăng tiến tới chào và hỏi có muốn điều gì chẳng. Điôgien bình tĩnh trả lời :

– Có, tôi chỉ muốn anh tránh ra, đừng che lấp bóng nắng của tôi.

Lúc ra về, các tướng theo hầu tỏ vẻ bức tức và cho Điôgien là gàn dở, là bất lịch sự.

Alếchxăng nghe thấy, phát biểu rằng :

- Nếu trăm không phải là Alếchxăng thì cũng ước gì được là Điôgien.

37. KHÔNG GIỮ ĐẠO ĐỨC ĐƯỢC TRỌN ĐỜI

Alếchxăng đại đế, một vị anh hùng vĩ đại của cổ Hi Lạp, ngay từ nhỏ đã ra sức rèn luyện một thể lực cao cường, một ý chí sắt đá, một cuộc sống bình dị, những đức tính cao quý như hiếu thảo với mẹ, nhân hậu với kẻ thù, đồng cam cộng khổ với chiến hữu, đã xây dựng được một sự nghiệp lớn lao, vang lừng trong lịch sử cổ đại từ năm 334 đến năm 323 trước công nguyên.

Ấy thế mà sau khi thất vọng vì quân lính không chịu theo mình vượt Hắc Hà để chinh phục Ấn Độ, phải quay trở về thành Babilon. Con người giàu đức tính cao cả ấy, từ trước vẫn coi khinh những cuộc truy hoan, lại sinh ra đam mê tử sắc, say đắm trong những cuộc vui vật chất tầm thường, đến mức làm cho sức khỏe phi thường của mình cứ giảm sút dần dần, rồi cuối cùng mang bệnh và chỉ trong mười ngày, đã phải trút hơi thở cuối cùng ở tuổi 33.

Ôi! Một bậc vĩ nhân của lịch sử, chỉ vì thất vọng trong bước tiến của mình mà đã kết thúc cuộc đời một cách sa đọa như thế !.

38. MỘT LỜI DÍ DÒM TAI HẠI

Trong một cuộc chiến đấu, vua Philíp của quốc gia Maxêđoan đương cho quân bao vây thành địch là Mêôn. Có một tay thiện xạ giỏi bắn cung là Atxte ra mắt nhà vua để xin ở dưới trướng. Anh ta khoe là bắn trăm phát trăm trúng, dù một con chim đang bay mà anh ta bắn cũng phải rơi xuống.

Vua Philíp dí dỏm trả lời:

- Được rồi, khi nào trăm đánh giặc chim sẻ, sẽ dùng nhà ngươi.

Nghe câu đùa cợt ấy, Atxte căm tức. Anh ta liền trốn vào thành và chờ dịp trả thù.

Một hôm đứng ở trên thành, anh nhìn thấy vua Philíp đi giám sát các công sự. Anh liền bắn một mũi tên có ghi dòng chữ "Gửi cho con mắt bên phải của Philíp". Mũi tên đã trúng đích.

Nhà vua sai bắn trả vào trong thành chiếc tên có ghi một câu: "Nếu Philíp hạ được thành thì Atxte sẽ bị treo cổ".

Đúng là tay thiện xạ đã bị xử giảo.

Thế là Philíp vì một câu dí dỏm mà bị mất một mắt. Còn Atxte vì muốn trả thù mà mất mạng.

Đó là một bài học cho những người hay nhạo báng và cho những kẻ nặng lòng hiểm thù.

39. NÓI NGỌT DỄ NGHE

Phôxiông là một vị tướng giỏi của Hy Lạp trong thế kỉ thứ IV trước Công nguyên.

Hồi đó, các hòn đảo của Hy Lạp không chịu đóng thuế cho thành quốc Aten. Chính quyền cử Phôxiông đi thu thuế ở các đảo và cho đem theo hai mươi chiến thuyền.

Phôxiông nói :

- Nếu bảo tôi đi chiến đấu thì phải cho tôi một lực lượng lớn hơn. Nhưng nếu để tôi đi đến với những bạn đồng minh, thì tôi không cần đến những chiến thuyền ấy.

Sau đó, ông chỉ dùng một chiếc thuyền nhỏ rồi chẳng cần nghi vệ gì, ông thân mật đến thăm từng đảo. Với những lời giản dị, ngọt ngào, ông trình bày mục đích chuyến đi thăm. Các đảo vui vẻ đóng thuế và cho nhiều thuyền bè chở theo tiền bạc.

40. THẾ NÀO LÀ HẠNH PHÚC

Xôlông là một triết gia đồng thời là một nhà chính trị giỏi của thành quốc Aten trong thế kỉ thứ VI trước Công nguyên.

Khi cầm quyền, ông đã khiến đồng bào ông, nhất là những người nghèo, được sống yên vui và ông đã đặt ra những đạo luật rất dân chủ.

Sau khi hoàn thành nhiệm vụ được giao, ông đã đi chu du nhiều nước như Ai Cập, đảo Síp và nhiều miền ở Á Châu.

Nghe tiếng ông, Crêduýt vua xứ Lidi ở bờ biển Egiê mời ông đến thăm.

Nhờ có mỏ vàng, Crêduýt là ông vua giàu nhất thời bấy giờ. Thủ đô của nhà vua ở Xácđô huy hoàng, lộng lẫy, với những lâu đài rực rỡ đầy những tác phẩm nghệ thuật hiếm hoi, cao quý.

Khi tiếp Xôlông, Crêduýt mặc một cẩm bào dát đầy ngọc lóng lánh, rồi đưa vị khách đi thăm khắp nơi trong lâu đài, chỗ nào cũng đầy những cửa quý, vật lạ, lại cho dẫn Xôlông vào thăm các kho tàng chứa chan vàng bạc, ngọc ngà.

Lúc Xôlông về ngồi nói chuyện, Crêduýt hỏi ông :

– Theo ý ông, từ xưa đến nay, ông thấy người nào là người hạnh phúc nhất đời ?

Xôlông trả lời :

– Đó là Tenluyt, một công dân bình thường của Aten.

– Anh ta thế nào mà ông cho là hạnh phúc nhất.

– Sống trong một thành phố thịnh vượng, ông ấy vẫn giữ nền nếp đạo đức và nhũn nhặn, đã hi sinh một cách vẻ vang khi chiến đấu để bảo vệ Tổ quốc.

Nghe thế, Crêduýt cho Xôlông là gàn, nhưng cũng cứ hỏi thêm xem ông ta có cho người hạnh phúc thứ hai là mình hay không.

Xôlông lại nói :

– Tôi biết hai anh em là Bitông và Clêôbít họ yêu thương nhau rất mực và có hiếu đối với mẹ. Một hôm bà mẹ muốn đi lễ đền thờ thần Juynông. Nhưng chờ bò đến chổ xe cho mẹ không thấy, hai anh em liền thay bò kéo xe cho mẹ. Mọi người đều ca tụng hai người con hiếu thảo và khen bà mẹ thực là hạnh phúc vì đã có những người con như thế.

Nghe xong, Crêduýt nổi nóng, hỏi :

– Thế ông không cho trăm là người hạnh phúc ư ?

Xôlông chậm rãi trả lời :

– Cuộc đời người ta thường thăng trầm, nên tôi không dám tin vào những của cải vật chất ở đời này.

Sau đó Xôlông rút lui.

Được ít lâu, cái mà Crêduýt cho là hạnh phúc đã tan tành : Con trai của nhà vua đi săn, gặp nạn chết. Rồi Xiruyít vua Ba Tư đem quân đến đánh xứ Lidi. Crêduýt bị bắt làm tù binh và bị kết án phải thiêu sống.

Khi bước lên giàn thiêu, hai tay bị trói ra sau, trước mặt Xiruyít, Crêduýt đã kêu to ba lần : “Ôi ! Xôlông”.

Xiruyít ngạc nhiên, hỏi : “Xôlông là ai ?”

Crêduýt bèn kể lại những lời nói của Xôlông.

Xiruyt khôn ngoan hơn vua Lidi, hiểu ngay lời nói của Xôlông và ra lệnh tha chết cho Crêduýt.

41. CÓ GIỎI GIANG GÌ ĐÂU

Trần Nghiêu Tư đời nhà Tống nổi tiếng là người bắn cung giỏi, thường cũng lấy thế làm hãnh diện.

Một hôm ông bắn cung trong vườn, có một ông lão bán dầu đi qua, đặt gánh dầu đứng xem. Ông lão thấy ông bắn mười phát thì trúng đích được tám, chín, gặt đầu, mỉm cười.

Trần Nghiêu Tư hỏi ông lão:

– Ông thấy tôi bắn thế nào? Có giỏi không?

Ông lão bình tĩnh trả lời:

– Cũng thường thôi!

Trần Nghiêu Tư tự ái, hỏi:

– Thế ông cho tôi là bắn không giỏi à?

Ông lão nói:

– Ông hãy xem đây.

Rồi ông đặt một cái chai dưới đất, để một đồng tiền lên miệng, và múc dầu trong thùng, rót vào chai qua lỗ đồng tiền. Ông rót đầy chai mà không dấy một chút dầu nào ra đồng tiền cả.

Ông thủng thỉnh nói:

– Tôi cũng chẳng giỏi giang gì đâu. Chẳng qua là quen tay mà thôi.

Trần Nghiêu Tư cảm thấy ngượng ngịu.

Âu cũng là một bài học hay cho những kẻ tự phụ!

42. ĐUA ĐÒI

Trang Chu trong sách Trang Tử có kể một câu chuyện về nàng Tây Thi, người phụ nữ đẹp nổi tiếng ở Trung Quốc xưa.

Cái đẹp của Tây Thi đúng là cái đẹp nghiêng nước nghiêng thành, nên Câu Tiễn muốn lấy lại nước đã dùng Tây Thi làm kế mỹ nhân để làm cho vua nước Ngô là Phù Sai phải say đắm.

Song Tây Thi có chứng đau bụng. Mỗi khi cơn đau nổi lên thì nàng ôm bụng và nhăn mặt. Nhưng chính lúc nàng nhăn mặt, người ta lại cảm thấy nàng đẹp vô cùng và ca ngợi.

Một người phụ nữ trong làng thấy thế cũng giả đau bụng và nhăn mặt. Nhưng những người trông thấy đều tưởng là ma quỷ hiện hình rồi bỏ chạy cả.

Ngày nay không phải không có những kẻ đua đòi bắt chước mà chỉ mua cười cho thiên hạ.

43. ĐÁNG KIẾP TÊN PHẢN BỘI

Một hôm, Phabrixuyt lúc đó là một vị chấp chính của La Mã đang ở nơi đóng quân trong cuộc chiến đấu cứu quốc chống đội quân xâm lược của Piruyt, thì có người đem đến trình một bức thư của người thầy thuốc riêng của Piruyt.

Trong thư, tên thầy thuốc đề nghị là sẽ đầu độc Piruyt, nếu phía La Mã trọng thưởng và như thế sẽ không còn phải kháng chiến nữa.

Phabrixuyt liền viết thư cho Piruyt một bức thông điệp trong đó có những câu: "Chúng tôi gửi cho ngài bức thư này của người thầy thuốc của ngài, để ngài thấy rằng ngài đang chiến đấu với những người chính trực và ngay thẳng, và ngài đang tin những kẻ xấu xa và phản bội. Chúng tôi cho ngài biết sự phản bội này không phải là mong ngài trả ơn, mà chính là để tránh lời dị nghị nói xấu chúng tôi là sẽ thẳng ngài nhờ một sự phản bội".

Nhận bức thông điệp, Piruyt cho bắt tên thầy thuốc, tra khảo và trị tội.

Để trả ơn người La Mã, Piruyt trả hết tù binh, không đòi bồi thường gì và yêu cầu kí hòa ước.

Phía La Mã cũng trả lại một số tương đương tù binh. Còn như nếu muốn kí hòa ước thì Piruyt phải rút hết quân về nước.

44. BÀ MẸ BIẾT DẠY CON

Mạnh Kha khi còn nhỏ sống ở một ngôi nhà gần nghĩa địa.

Một hôm bà mẹ thấy con đào đất, lăn khóc như những người trong các đám tang. Bà nghĩ bụng chỗ ấy không phải là nơi cho con con ở, nên đã dọn nhà đi.

Nhưng lần này nhà lại ở gần chợ. Mạnh Kha thấy người buôn bán lừa đảo, cãi cọ nhau, cũng bắt chước cùng với những trẻ khác buôn bán, lừa đảo, cãi cọ. Bà mẹ lại thấy không nên cho con ở chỗ ấy, nên đã dọn nhà đến ở gần một trường học. Mạnh Kha thấy học trò cắp sách đi học, chào thầy lễ phép, học tập ngoan ngoãn, Mạnh Kha cũng bắt chước những học trò ấy. Bà mẹ vui lòng, cho rằng chỗ mới này mới thực hợp với việc giáo dục con mình.

Một buổi, Mạnh Kha thấy nhà hàng xóm mổ lợn, hỏi mẹ:

– Người ta mổ lợn làm gì, hở mẹ ?

Bà mẹ trả lời :

– Để cho con ăn đấy.

Nói thế, bà biết rằng đã lỡ lời, và muốn để con không nghĩ rằng mình nói dối, bà đã mua thịt lợn về cho con ăn.

Từ đó bà khuyên nhủ con phải học tập cho ngoan.

Một hôm, bà đang ngồi dệt vải thì thấy con bỏ học về nhà chơi, bà liền cầm dao cắt đứt tấm vải. Mạnh Kha thấy thế, hỏi mẹ:

– Sao mẹ lại cắt vải đi ?

Bà nói :

– Con đang đi học mà bỏ học thì có khác nào mẹ đương dệt vải mà cắt vải đi !

Mạnh Kha hối hận và hứa với mẹ từ sau sẽ chăm chỉ học tập.

Quả nhiên, nhờ sức học rộng và tài cao, Mạnh Kha đã trở thành một bậc hiền triết. Đó là Mạnh Tử, người mà các nhà nho sau này tôn là bậc á thánh.

45. TÌM THẦY DẠY CON

Vua Philip xứ Maxêđoan biết con mình là Alếchxăng rất thông minh, nhưng không thể dạy được bằng uy lực, phải dùng lí lẽ mới có thể thuyết phục.

Nhà vua đã giao cho một số giáo quan dạy nhạc, dạy văn, nhưng không người nào có đủ tài đức để dẫn dắt người học trò đỉnh ngộ này.

Năm 345 trước Công nguyên, nhà vua biên thư cho nhà hiền triết thông thái nhất thời ấy là Arixtốt, để nhờ dạy dỗ thái tử. Một khu vực rộng được dành riêng cho thầy trò trong việc giảng dạy.

Alếchxăng chẳng những đã học được của ông thầy vĩ đại khoa luân lí, khoa chính trị, khoa vật lí, mà còn học được những khoa bí truyền cao siêu, trong đó có khoa chữa bệnh.

Nhờ Arixtốt hướng dẫn, Alếchxăng đã hăng say học tập, ham đọc bộ Iliát và những bi kịch của Oripít, của Étsin, của Xôphốclơ...

Alếchxăng rất tôn kính Arixtốt, thường nói: "Yêu thầy như cha đẻ, vì cha thì nuôi dưỡng, còn nhờ có thầy mới biết cách sống ở đời cho phải đạo."

46. TỰ SÁT ĐỂ KHUYÊN CON

Vương Lăng là người đất Bái, vừa có tài thao lược, vừa nổi tiếng là người con hiếu thảo đối với mẹ.

Ngay từ lúc còn hàn vi, Lưu Bang, tức Bái Công, người sau này là Hán Cao Tổ, vua đầu tiên của nhà Tây Hán, đã rất quý Vương Lăng và coi như một bậc đàn anh.

Sau khi nhà Tần bị tiêu diệt, Lưu Bang và Hạng Vũ tranh giành quyền thế. Vương Lăng đem quân bản bộ đi theo Lưu Bang.

Hạng Vũ liền bắt giam mẹ Vương Lăng và yêu cầu bà khuyên con bỏ Lưu Bang mà về với Hạng Vũ.

Khi sứ giả đến nói với bà mẹ Vương Lăng ý ấy, bà nói:

- Hãy về nói với con tôi là một lòng theo Hán Vương, đừng vì già này mà sinh nhị tâm.

Dứt lời, bà cầm gươm tự sát để Vương Lăng khỏi vì mẹ mà bỏ Lưu Bang.

Cái chết của bà được lịch sử muôn đời ca ngợi.

47. CHÚNG KHẨU ĐỒNG TỬ

Tục ngữ ta có câu "Chúng khẩu đồng tử, ông sư cũng chết!" tức là : Nếu mọi người đều xác nhận một điều, thì mạng dù khó tin cũng cứ phải tin.

Việc này đã được chứng minh bằng một câu chuyện cũ của Trung Quốc :

Ông Tăng Sâm, một học trò hết sức đạo đức của Khổng Tử, một người con vô cùng hiếu thảo đối với mẹ được mọi người tin yêu và được mẹ luôn tin cậy.

Một hôm bà mẹ đương ngồi dệt vải thì có người chạy đến hớt hơ hớt hải báo tin : "Tăng Sâm giết người rồi!". Bà mẹ không tin, cứ điềm nhiên tiếp tục làm việc. Một lúc sau lại có người đến báo : "Con bà đã giết người". Bà cụ vẫn không tin, vì vẫn cứ đinh ninh là con mình không đời nào lại mang tội ấy. Song đến lần thứ ba, lại có người đến nói tin rùng rợn kia, bà mẹ mới hốt hoảng chạy trốn.

Chẳng qua chỉ vì ở gần đấy có người trùng tên với Tăng Sâm đã phạm tội giết người.

Thế mới biết sức mạnh của dư luận là ghê gớm. Nếu đúng thì thực là hay, nhưng nếu sai thì nguy hiểm biết chừng nào.

Người thức giả trước dư luận, cần suy xét kỹ lưỡng để biết cách ứng xử cho đúng.

48. CHỢ NÓI DỐI TRẺ

Vợ ông Tăng Sâm chuẩn bị đi chợ. Đưa con khóc, đòi đi theo.

Bà mẹ dỗ con: “Con ở nhà, mẹ đi chợ về, sẽ làm thịt lợn cho con ăn”.

Lúc bà đi chợ về, ông Tăng Sâm bắt con lợn trong chuồng làm thịt.

Bà vợ hỏi:

– Ông giết lợn làm gì?

– Mình bảo đi chợ về làm thịt lợn cho con ăn mà.

– Tôi nói đùa nó đấy mà.

– Nói đùa thế nào! Chợ khinh trẻ con là không biết gì. Cha mẹ làm gì, con thường bắt chước. Nay mình nói dối nó tức là dạy nó nói dối đấy.

Nói đoạn, ông Tăng Sâm cứ làm thịt lợn cho con ăn, như lời vợ

ông đã hứa.

49. THẾ NÀO LÀ HIẾU

Một hôm Tăng Sâm bừa ruộng dưa cho cha, chẳng may làm đứt rễ dưa. Người bố nổi giận, cầm gậy đánh vào lưng. Sâm đau quá, ngã xuống ruộng, hồi lâu mới đứng dậy được.

Khi về nhà, Sâm thưa với cha: “Khi nãy, con có tội khiến cha phải đánh, làm đau tay cha, thực là con lỗi đạo”. Sau đó Sâm vừa gảy đàn vừa hát, để tỏ rằng mình không còn đau đớn gì.

Ông Khổng Tử nghe chuyện ấy, bảo học trò không cho Tăng Sâm đến học nữa.

Sâm ngạc nhiên, nhờ bạn hỏi thầy vì cớ gì mà thầy giận. Ông Khổng Tử giải thích rằng: “Xưa kia ông Thuấn thờ cha là Cỗ Tẩu rất hiếu thảo: thường ở bên cha để phục vụ khi cha sai khiến, khi cha giận dữ, muốn giết thì lánh xa; nếu cha đánh bằng roi thì cam chịu, nhưng thấy cha cầm gậy đánh thì chạy trốn. Vì thế Cỗ Tẩu không mang tiếng là người cha ác. Nay Sâm chiều cơn giận của cha đến nổi ngắt đi, nếu cha quá tay làm cho Sâm chết thì có phải là đã khiến cho cha mang tội hay không? Như thế có phải là rất bất hiếu không?”

Tăng Sâm nghe bạn kể, biết lỗi của mình, bèn đến tạ lỗi cùng thầy. Từ đó Tăng Sâm mới hiểu được thế nào là hiếu.

50. HIẾU VỚI MẸ

Khi đem quân sang chinh phục châu Á, Alếchxăng đã giao việc cai trị đất nước cho một viên tướng là Ăngtipate, được coi như nhiếp chính vương.

Nhưng mẹ của Alếchxăng là Olimpiát lại cứ muốn tham gia vào chính quyền. Do đó luôn luôn có mâu thuẫn giữa bà với quan nhiếp chính.

Ăngtipate không chịu được sự can thiệp phi lí của bà, nên luôn luôn gửi công văn báo cáo với Alếchxăng.

Olimpiát cũng thường xuyên gửi thư cho con phàn nàn về thái độ của Ăngtipate.

Alếchxăng như đứng giữa hai gọng kìm.

Có lần Ăngtipate gửi cho Alếchxăng một tờ sớ rất dài, kể tất cả những sự cản trở mà Olimpiát đã gây nên.

Đọc tờ sớ, Alếchxăng nói với mấy vị cận thần :

- Ăngtipate có lí, nhưng ông ta không hiểu rằng một vạn tờ trình như thế này sẽ bị một giọt nước mắt của người mẹ xóa đi hết !

Mặc dầu biết mẹ khó tính và không biết điều, nhưng Alếchxăng luôn luôn chịu đựng và không bao giờ làm cho mẹ phải buồn rầu. Trái lại, ông thường xuyên kính bấu mẹ của ngon, vật lạ và yêu cầu các thể nữ phải chiều chuộng bà.

Alếchxăng lại còn có ý định lập đền thờ mẹ nữa, nhưng ông không thực hiện được vì chết sớm. Song, trước khi nhắm mắt, ông dặn lại bạn bè cố thi hành ý muốn cuối cùng đó của ông.

51. CỨU MẸ BẰNG SỮA CỦA MÌNH

Một bà quý tộc ở Cổ La Mã bị án tử hình. Người cai ngục được lệnh xử bà ở ngay trong nhà giam. Nhưng vì thương tình, anh quyết định để cho bà tự chết vì đói.

Anh cho phép người con gái của bà hằng ngày vào thăm bà, nhưng anh khám kĩ, không cho chị ta đem một chút thức ăn nào vào cho mẹ.

Nhiều ngày trôi qua, anh vẫn thấy bà ta sống như thường, anh không hiểu vì sao. Anh bèn dò xét một cách bí mật. Sau cùng anh mới vỡ lẽ là chính người con gái đã cho mẹ bú hằng ngày.

Anh bèn báo cáo lên cấp trên. Động lòng trước cử chỉ hiếu thảo của người con gái, tòa án đã tha bổng cho bà quý tộc.

Như thế bằng sữa của mình, người con gái có hiếu đã cứu được mẹ khỏi chết.

52. VÌ HIẾU MÀ HẾT CÂM

Sách Án tử Xuân thu có ghi một lời nói của Án Anh đã có sức thuyết phục một ông vua tự ái.

Ông vua đó là Tề Cảnh Công có tính nghiện rượu, nhiều khi say luôn mấy ngày đêm, không lo gì đến triều chính.

Một ông quan trung hậu là Huyền Chương dũng cảm khuyên nhà vua:

- Hạ thần xin can bệ hạ không nên say sưa nữa. Nếu bệ hạ không nghe, hạ thần xin tự tận.

Ngay lúc ấy Án Anh vào chầu, Cảnh Công nói:

- Huyền Chương khuyên trăm bỏ rượu. Nếu trăm nghe theo thì hóa ra trăm non, mà không nghe thì Huyền Chương tự sát, kể cũng đáng tiếc.

Án Anh liền thưa:

- May thay cho Huyền Chương gặp được bệ hạ, nếu lại nhờ vua Kiệt, vua Trụ thì chết mất!

Cảnh Công nghe nói, tỉnh ngộ, nghe theo lời can của Huyền Chương mà chữa rượu.

Một lời nói khéo đã cứu được bạn đồng liêu và đã can ngăn được nhà vua.

53. MẸ ĐÁNH KHÔNG ĐAU MÀ KHÓC

Đời nhà Hán có một người nổi tiếng là có hiếu. Đó là Hàn Bá Du.

Khi còn nhỏ, mỗi khi có lỗi, mẹ vẫn đánh đòn để dạy dỗ. Bá Du lạy mẹ và xin chừa.

Một hôm, mẹ đánh, Bá Du khóc thảm thiết. Mẹ hỏi:

– Mọi khi con có lỗi, mẹ đánh, con cam chịu ngay. Tại sao lần này, con lại khóc dai thế?

Bá Du thưa:

– Mọi khi mẹ đánh, con thấy đau biết rằng mẹ còn mạnh khỏe. Hôm nay, mẹ đánh, con không thấy đau chút nào, biết rằng sức mẹ đã yếu, con lo quá, nên con khóc.

Bà mẹ cảm động rơi nước mắt!

54. NHÌN VẾT THƯƠNG NHỚ MẸ

Khấu Chuẩn là người đời nhà Tống.

Thuở nhỏ, ông là một đứa trẻ hư, lười biếng, thích đi chơi lâu lổng, không chịu học hành. Mẹ ông răn bảo nhiều lần, nhưng tính nào vẫn giữ tật ấy. Bà mẹ chỉ muốn con chăm chỉ học tập, nhưng con chẳng nghe lời, nên bà giận lắm.

Một hôm, Khấu Chuẩn bỏ học đi chơi, mẹ gọi lại không được. Trong cơn tức giận, bà cầm một quả cân ném theo con, trúng vào chân, máu me chảy ra. Bà vội vàng buộc cho con và cho con nằm nghỉ.

Những ngày chân đau không đi chơi được, Khấu Chuẩn suy nghĩ về tội của mình và vô cùng hối hận. Từ đó ông chuyên cần học tập, rồi sau đỗ tiến sĩ. Đến đời Chân Tông, ông làm đến chức tể tướng.

Khi được quý hiển thì mẹ chẳng còn. Mỗi khi nhìn đến vết thương cũ ở chân, ông lại thổn thức nhớ mẹ và cho rằng nếu mẹ không nghiêm khắc với mình khi còn nhỏ, thì sao được vinh hiển thế này.

55. CẢM HÓA ĐƯỢC NGƯỜI MẸ KẾ ÁC NGHIỆT

Một người học trò của Khổng Tử là Mẫn Tử Khiên nổi tiếng là người con có hiếu.

Tử Khiên mồ côi mẹ từ nhỏ. Bố lấy một người vợ kế. Người này sinh được hai con, người mẹ kế của Tử Khiên chỉ chăm nom cho hai đứa con mình, còn Tử Khiên thì bị hắt hủi.

Một hôm về mùa đông, trời giá rét, các con người vợ kế thì được áo mền bông, còn Tử Khiên phải mặc một cái áo lót hoa lau.

Khi Tử Khiên đánh xe để chở cha, rét căm căm, run rẩy, co ro. Ông bố tưởng là lười, cầm roi đánh vào lưng, áo rách, bật hoa lau ra.

Thấy thế, ông bố mới biết rằng con mình bị người vợ kế bạc đãi, liền quát mắng và đuổi người vợ kế đi.

Mẫn Tử Khiên sụp xuống lạy cha và thưa rằng:

– Dì còn ở lại thì chỉ mình con bị rét. Dì con phải ra đi, ai chăm nom sức khỏe của cha và hai em con cũng sẽ phải khổ.

Người bố nghe nói, nguôi cơn giận. Nhưng người mẹ kể hồi hận vô cùng và từ đó yêu thương Mẫn Tử Khiên như con đẻ.

56. CON KHẲNG KHÁI, MẸ THẢO HIỀN

Trình Y Xuyên, một danh nho đời Tống, có một học trò rất giỏi tên là Doãn Thuần.

Trong một khoa thi tiến sĩ, thầy khuyên trò ứng thí và tin rằng trò sẽ đỗ đại khoa.

Doãn Thuần đã dễ dàng vào đến kì thi văn sách. Nhưng khi thấy đầu đề thi có câu "Chu Nguyên - Hựu chư thần" (nghĩa là: giết các bầy tôi đời Nguyên Hựu), Doãn Thuần bỏ, không làm bài và đi ra. Đầu đề thi gợi ý chê bai đời vua trước để đề cao triều đại bấy giờ.

Doãn Thuần ra về, đến gặp thầy. Trình Y Xuyên nói:

- Anh còn có mẹ già kia mà!

Ý muốn nói là: Sao không thi đỗ làm quan để có bổng lộc nuôi mẹ?

Doãn Thuần về thuật chuyện cho mẹ nghe. Bà mẹ khen con không thi là đúng và nói:

- Mẹ muốn con lấy lễ phải mà nuôi mẹ, hơn là lấy bổng lộc bất nhân mà nuôi mẹ.

Trình Y Xuyên nghe nói, khen rằng: "Giỏi thay một người mẹ như thế!".

57. THẾ MỚI LÀ ANH

Trong đời nhà Tùy, có một người được người ta ca tụng và gọi là “Đại nhĩ quân tử”. Đó là Ngư Hoảng.

Ông ở chung với người em trai là Ngư Bật. Nhưng Ngư Bật có tính hay uống rượu, mà đã say thì thường làm bậy.

Một hôm, Hoảng đi vắng. Bật ở nhà uống rượu say li bì, mất cả trí khôn, đến mức giết chết con trâu của anh.

Người chị dâu tức quá, chờ chồng về mới nói:

– Chú Bật giết chết trâu của nhà ta rồi!

Hoảng bình tĩnh đáp:

– Trâu chết thì bảo người nhà làm thịt ăn.

Người vợ bực quá nói:

– Trâu chết là việc quan trọng, chứ có vừa đâu.

Hoảng vẫn điềm tĩnh nói:

– Ừ, tôi đã biết rồi mà!

Rồi điềm nhiên lấy sách ra đọc, như không có việc gì xảy ra cả.

Người vợ thấy thế cũng đành yên lặng, vì đã biết tính chồng rồi.

58. CHUNG TÌNH

Ông Phùng Huyền Linh, đời Đường, có một người vợ họ Lư, nhan sắc tuyệt vời, đức hạnh cao cả.

Lúc ông còn hàn vi, người vợ chăm nom, săn sóc ông hết lòng. Chẳng may ông bị ốm nặng, tưởng không thể sống được. Thương vợ còn trẻ, đẹp mà sắp bị góa bụa, ông nói với bà :

- Tôi chết đến nơi rồi, nàng còn trẻ lắm, không nên ở vậy.

Nghe chồng nói thế, bà Lư Thị khóc nức nở, rồi lấy dao tự khoét một mắt bỏ đi. Để tỏ rằng dù ông có mệnh hệ nào, bà nhất định không đi bước nữa.

Chẳng bao lâu, ông Huyền Linh khỏi bệnh, rồi đi thi, đỗ cao. Về sau lại làm đến Tế tướng dưới triều vua Đường Thái Tông. Ông vẫn một niềm kính yêu bà Lư Thị, không hề lấy một người thiếp nào.

Cả triều đình đều kính phục đức chung tình của vợ chồng ông Phùng Huyền Linh.

59. THỦY CHUNG

Án Anh là một danh tướng có công giúp vua Cảnh Công nước Tề đời Xuân Thu rất nhiều.

Nhà vua muốn thưởng công cho Án Anh. Nhân thấy vợ Án Anh đã già lại xấu, Cảnh Công có người con gái yêu rất đẹp, muốn gả cho người bề tôi trung thành của mình.

Nhưng Án Anh đã khước từ mà thưa rằng :

- Nội nhân của kẻ hạ thần tuy già và xấu, nhưng đã lấy hạ thần từ khi còn trẻ và đẹp. Xưa nay người phụ nữ lấy chồng lúc trẻ cốt để nhờ cậy lúc già, lấy chồng lúc còn đẹp cốt để nhờ cậy lúc xấu đi. Nay bệ hạ muốn ban ơn cho kẻ hạ thần, chắc cũng không nỡ để hạ thần ăn ở bội bạc với vợ.

Dứt lời, Án Anh sụp lạy hai lạy để xin từ không lấy công chúa.

Án Anh thực là một con người chung thủy.

60. XỨNG VỚI NGƯỜI CHỒNG ANH HÙNG

Phôxiông đã được nhiều nhà sử học coi là người đạo đức nhất trong các vị anh hùng của Hi Lạp cổ đại.

Những đức tính cao đẹp của ông lại truyền được cho người vợ. Bà cũng sống rất giản dị khiến cho nhân dân thành Aten kính phục và luôn luôn nêu gương bà để giáo dục các phụ nữ khác.

Một hôm có một người đàn bà ở xứ Iôni đến thăm bà. Đó là một người rất giàu có, lại hợm của. Bà ta ăn mặc rất sang trọng, trên mình đầy vàng ngọc : nào vòng, nào xuyên, nào dây chuyền sáng ngời...

Bà ta khoe của với vợ Phôxiông và thắc mắc tại sao vợ một vị anh hùng mà chẳng có đồ trang sức gì.

Bà vợ Phôxiông trả lời thản nhiên :

- Trang sức của tôi chính là chồng tôi !.

61. CẢI TẠO ĐẤT NƯỚC BẰNG LUẬT

Liquyếcgơ sinh vào thế kỷ thứ IX trước Công nguyên tại thành quốc Xpáctơ. Trước khi lên cầm quyền, ông đã đi chu du thiên hạ, sang đảo Cretơ, Ai Cập, Ấn Độ... để nghiên cứu phong tục và học hỏi các nhà thông thái.

Sau 18 năm xa đất nước, khi trở về, ông thấy Xpáctơ đương ở trong cảnh lộn xộn, rối ren, hầu như vô chính phủ; nổi bật là sự bất công xã hội giữa kẻ giàu và người nghèo. Nhân dân ta thán và mong chờ một vị cứu tinh. Đó là dịp may cho Liquyếcgơ. Ông ra sức cải tổ đất nước bằng luật và đòi hỏi mọi người phải sống theo luật.

Cơ sở của bộ luật của Liquyếcgơ là sự phân chia lại ruộng đất một cách công bằng. Tất cả mọi người Xpáctơ đều bình đẳng. Hàng tháng, cứ đến ngày trăng thượng huyền thì tất cả công dân từ tuổi thành niên trở lên họp hội nghị để thông qua những quyết định của quan chức, sau khi đã thảo luận và bổ sung.

Theo bộ luật của Liquyếcgơ, mọi người công dân đều sinh ra và lớn lên hoàn toàn thuộc về nhà nước. Đứa trẻ sinh ra được bố mẹ nuôi đến bảy tuổi. Sau đó, trẻ em được nhà nước nuôi, dạy và rèn luyện. Các em phải luyện thân thể, phải làm quen với những khó khăn, thiếu thốn, cũng như những sự thay đổi thời tiết. Sự ăn ngủ của các em phải hết sức đơn giản. Người ta dạy các em thổi sáo, gảy đàn, hát những bài ca hùng tráng. Các em phải luôn luôn tôn kính những người già cả.

Đến 20 tuổi, các em xung vào quân đội, để rèn luyện ý chí chiến đấu và học tập các chiến lược, chiến thuật.

Bộ luật của Liquyếcgơ đã tạo ra được những chiến sĩ anh hùng toàn tâm, toàn ý phục vụ Tổ quốc, với khẩu hiệu : "Thà chết trong hơn sống đục !".

62. MỘT NHÀ LÀM LUẬT CÔNG MINH VÀ DÂN CHỦ

Năm 595 trước Công nguyên, nhà triết học Xôlông được nhân dân tin tưởng và trao cho quyền lãnh đạo.

Xôlông muốn xây dựng một nền dân chủ thực sự. Ông không coi nhà nước là một bộ máy mà trong đó con người chỉ là những bộ phận có thể sắp đặt tùy tiện. Trái lại, người công dân phải là người chủ của đất nước.

Hồi đó, dân nghèo Aten đau khổ vì những món nợ lãi cứ tăng lên. Xôlông ra lệnh miễn nợ trong nhiều trường hợp, đồng thời giảm lãi suất và hạ giá đồng tiền, khiến người giàu không tiếp tục ăn hiếp được người nghèo. Ông không cho các chủ nợ có quyền bắt con nợ làm nô lệ.

Trước khi công bố luật mới, ông huỷ bỏ những đạo luật hà khắc cũ, trừ những luật đối với những kẻ sát nhân.

Theo bộ luật của Xôlông, Aten có một nghị viện tối cao gồm 400 người, tuyển trong những nhân vật có uy tín lớn từ 30 tuổi trở lên. Nghị viện này được bầu hàng năm và phải chịu trách nhiệm trước nhân dân về công việc của mình.

Nghị luận tối cao chuẩn bị những đạo luật để đưa ra lấy ý kiến của một hội nghị gồm toàn thể nhân dân từ 20 tuổi trở lên. Trong hội nghị, người ta đọc to những vấn đề cần bàn luận và yêu cầu mọi người góp ý kiến. Mọi người, không phân biệt giàu nghèo, đều có quyền biểu quyết bằng giơ tay. Hội nghị thông qua hiến pháp và bầu cử các quan chức. Hội nghị có quyền tán thành hoặc bác bỏ những điều nghị viện đưa ra.

Mỗi công dân đều có quyền tố cáo trước pháp luật một nghị viện có

tội gì đáng chê trách (như bất hiếu với cha mẹ chẳng hạn).

Luật pháp ngăn cấm sự ăn không ngồi rồi và bắt buộc mỗi công dân hằng năm phải báo cáo là sống bằng cách gì.

Về việc xử án, ngoài các quan toà, lại có một số đông công dân từ 30 mười tuổi trở lên, được tuyển bằng rút thăm để tham gia xét xử. Những người này được thay đổi hằng năm và phải tuyên thệ là xử án đúng theo pháp luật.

Xôlông còn đặt ra một toà án trọng tài gồm những công dân từ 60 tuổi trở lên và do hai bên nguyên và bị không phản đối để quyết định cuối cùng, không còn được chống án.

Xôlông rất coi trọng vai trò của gia đình : Trẻ em được cha mẹ nuôi dạy đến khi trưởng thành. Con cái phải kính trọng cha mẹ. Khi giao một chức quyền cho một người nào thì phải xét người ấy có hiếu với cha mẹ không, khi cha mẹ về già, có nuôi nấng chu đáo không.

Đến 18 tuổi, người thanh niên Aten phải tuyên thệ là sẽ chiến đấu đến giọt máu cuối cùng, để bảo vệ Tổ quốc.

Xôlông lại yêu cầu cho mỗi người công dân phải thạo một nghề, yêu cầu các cha mẹ phải cho con cái học nghề.

Theo Xôlông, bộ luật của ông không phải là vĩnh cửu. Hội nghị quốc dân có quyền hằng năm lập ra một hội đồng lập pháp để sửa đổi luật cũ hoặc đặt ra luật mới. Nhưng mỗi lần sửa đổi hoặc đặt luật mới đều phải lấy ý kiến của toàn dân.

Quả Xôlông là một nhà làm luật công minh và hết sức dân chủ.

63. MỘT TỤC LỆ DÂN CHỦ

Ngày xưa ngày xưa, nhân dân Ai Cập có một tục lệ hết sức dân chủ.

Đó là khi một ông vua băng hà, người ta đặt tử thi của ông ở bờ một cái hồ, bên cạnh mộ địa. Ở nơi đó, người ta thiết lập một tòa án gồm bốn mươi ba thẩm phán.

Một nhân vật đứng trước tử thi mà hô to:

– Trong khi trị vì, nhà vua đã làm được những gì?

Một cận thần của quốc vương vùa tạ thế, đứng lên ca tụng công đức của nhà vua đối với thần dân.

Sau đó, mọi người trong dân chúng có thể tỏ bày mọi nỗi oan ức của mình để tòa án xét xử.

Bốn mươi ba vị thẩm phán liền cân nhắc công và tội của nhà vua. Nếu thấy rằng quốc vương đã phạm nhiều tội đối với thần dân thì kết án, không cho tổ chức lễ mai táng trọng thể mà để tử thi làm mồi cho ác điều.

Tục lệ tốt đẹp ấy đã khiến cho vua chúa khi còn nắm quyền hành

phải dè chừng, không làm mất lòng dân.

64. NẾU KHÔNG AI BẰNG VUA

Vua nước Ngụy là Vũ Hầu bàn việc nước với quần thần. Vua nói điều gì, mọi người đều cho là phải.

Lúc tan triều, Vũ Hầu có vẻ đặc ý lắm. Nhưng Ngô Khởi, một danh tướng có tài, tiến lên hỏi:

- Trong số cận thần, đã có ai trình với bệ hạ câu chuyện về Sở Trang Vương chưa?

- Câu chuyện ấy thế nào?

- Khi Sở Trang Vương bàn việc với triều thần mà không ai có ý gì khác, thì Trng Vương lo buồn. Có người hỏi: "Vì sao nhà vua lo buồn?".

Sở Trang Vương nói: "Nếu triều thần không có ai hơn ta, thì đáng lo lắm, vì cổ nhân đã có câu: "Trong các vua chư hầu, ai có thầy giỏi thì làm được Vương; ai có bạn giỏi thì làm được bá..., ai bàn việc mà không ai bằng mình thì mất nước!". Nếu quần thần không ai bằng ta thì chẳng đáng lo hay sao?

Ngụy Vũ Hầu nghe Ngô Khởi nói thế, liền vái tạ mà rằng:

- Trời cho nhà thầy đến chỉ cho trẫm cái lỗi của trẫm.

Câu chuyện này quả là một bài học hay cho những người cầm quyền mà tự đắc, quá tin ở mình!

65. NHƯỜNG NGÔI

Lịch sử thời thượng cổ ở Trung Quốc có kể chuyện hai ông vua giỏi mà đời sau mãi mãi nêu gương và gọi là bậc thánh đế. Đó là vua Nghiêu và vua Thuấn.

Trong khi hai ông vua này trị vì, thiên hạ thái bình, nhân dân no đủ, không hề có trộm cắp, không nhà nào ban đêm phải đóng cửa.

Ấy thế mà hai ông vẫn cho rằng mình chưa có tài trị quốc, chỉ mong có người giỏi để nhường ngôi.

Vua Nghiêu gặp được một bậc cao sĩ là Hứa Do, mong nhường ngôi cho vị ấy, ông nói: “Nhà vua trị vì như cây đóm đứng trước mặt trời, mặt trăng, nếu cứ giữ thiên hạ thì quả là đáng xấu hổ”. Nhưng Hứa Do cương quyết không nhận và nói: “Nhà vua trị thiên hạ đã được bình trị, mà tôi lại thay, chẳng hóa ra không có cái thực mà chuộng lấy cái danh ư?”

Nói rồi, Hứa Do bỏ đi, vào ẩn ở chùa Bái Trạch.

Vua Nghiêu lại tìm đến, năn nỉ xin nhường ngôi. Hứa Do không muốn nghe, bỏ đi.

Về sau vua Nghiêu phải yêu cầu vua Thuấn nối ngôi. Vua Thuấn cũng tỏ ra xứng đáng với học giả Á Đông, thực sự là đáng minh quân

không tham quyền cố vị, chỉ một lòng nghĩ đến hạnh phúc của nhân dân.

66. VIỆC CAI TRỊ TRONG NƯỚC NÊN THẾ NÀO

Vua nước Tề là Cảnh Công một hôm hỏi Khổng Tử:

- Việc cai trị trong nước nên như thế nào?

Ông Khổng đáp:

- Nguồn gốc việc cai trị trong nước là phải làm sáng tỏ luân thường đạo lý" Ở trong triều, vua giữ trọn đạo làm vua, tôi giữ trọn đạo làm tôi; ở trong gia đình, cha giữ trọn đạo làm cha, con giữ trọn đạo làm con; vua tôi, cha con đều giữ trọn đạo của mình thì việc cai trị trong nước mới hay được.

Vua Cảnh Công cho là phải, vì nếu vua chẳng ra vua, tôi chẳng ra tôi, cha chẳng ra cha, con chẳng ra con, thì giữ sao được kỉ cương, quốc gia tất phải diệt vong.

Thiết nghĩ cái nghĩa chính danh đời nào cũng là cần thiết.

67. VÌ TỒ QUỐC TRÊN HẾT

Ở thành cổ Hi Lạp Côranhtơ có hai anh em khác hẳn tính nết nhau. Đó là Timôlông và người anh là Timôphan. Timôlông là một người thông minh, tài giỏi, dũng cảm, nhưng hết sức khiêm tốn, nhũn nhặn. trái lại, Timôphan thì nóng nảy và tham lam vô độ.

Hai anh em đều ở trong quân đội. Timôlông chỉ huy lục quân, còn Timôphan chỉ huy kỵ binh.

Trong một cuộc chiến đấu với quân địch, con ngựa của Timôphan bị thương lồng lên làm ngã Timôphan giữa đám quân địch. Timôlông trông thấy, liền chạy đến cứu anh: một tay cầm mộc che cho anh, một tay vung gươm chém giặc. Quân địch phải rút lui, nhưng người ông đầy máu Mêlita vì bị nhiều vết thương. Ông đã cứu được người anh.

Sau đó, Timôphan được dân thành Côranhtơ giao cho chỉ huy quân đội. Nhờ được quyền lực, Timôphan có tham vọng trở thành một kẻ độc tài. Dần dần, hắn loại hết những người trung trực, chém giết những người chống đối và hành động như một tên bạo chúa.

Timôlông khuyên can anh thì anh không những không nghe, lại còn chế nhạo.

Một hôm, Timôlông rủ hai người bạn tâm phúc đến thuyết phục anh. Anh cũng chẳng nghe, lại còn nổi nóng đe dọa cả ba người.

Nước mắt lưng tròng, Timôlông ra về, nhưng hai người bạn của ông đã tuốt gươm ra và xông vào chém chết Timôphan.

Timôlông vì quyền lợi của tổ quốc đã để cho hai người bạn xử tội người anh đầy tham vọng, tội lỗi.

68. QUÊN ĐAU KHỔ ĐỂ CỨU DÂN

Sau khi Timôphan bị chém chết, đa số nhân dân xứ Côranhtơ mừng là đã trừ được một tên ác ôn, nhưng có một số người lại lên án Timôlông là đã giết anh.

Khi Timôlông về thăm mẹ, thì bà mẹ đuổi đi và mắng nhiếc là đã giết con cả của bà.

Đau khổ, ông về ẩn ở một nơi thôn dã, không tiếp xúc với những người đã cùng chiến đấu trước kia. Trong hai mươi năm, ông chỉ lang thang ở những nơi cô tịch.

Song xứ Xiraquidơ ở đảo Xixin là nơi mà chính ông đã xây dựng nên, đương ở dưới quyền đàn áp của tên bạo chúa Đơnit con. Nhân dân Xiraquidơ năn nỉ cầu xin Timôlông về giải phóng cho họ.

Timôlông liền chỉ huy một đạo quân đến đánh tên bạo chúa. Đơnit con thua, ông tha tội chết cho y và cho về sống ở Côranhtơ.

Sau đó, khi quân xứ Cáctagiơ xâm chiếm đảo Xixin, Timôlông lại đánh tan đạo quân xâm lược và đuổi chúng ra khỏi đảo. Trong đảo, còn có kẻ bạo chúa nào, Timôlông cũng diệt bằng hết, rồi tổ chức lại đời sống cho nhân dân Xiraquidơ, khiến cho địa phương này trở thành phần vinh. Nhưng những thành tích không làm giảm tính khiêm tốn của ông.

Sau khi đã hoàn thành nhiệm vụ, Timôlông đã xin từ chức, trở về sống một cuộc đời giản dị, được mọi người kính mến. Lúc về già, ông bị mù, nhưng ông vẫn được nhân dân chăm sóc và yêu quý đến phút cuối cùng, vì họ coi ông như một người cha của họ.

Timôlông là một trong hai người (*) mà nhà viết sử Pluytácơ coi là mẫu mực về đạo lí và đức hạnh.

69. CỨU NƯỚC TRÊN HẾT

Phuyriuyt Caminluyt là một vị tướng giỏi đánh đông dẹp bắc, lập được nhiều chiến công rực rỡ, đến mức người ta đã tặng cho cái danh hiệu vẻ vang là "Người sáng lập thứ nhì của La Mã".

Song vì một sự hiểu lầm, dân chúng đã lên án ông và đòi đưa ông ra xử tội.

Bực mình và đau xót, ông từ giã vợ con và bỏ kinh thành ra đi, đến sống tại miền Ácđêa ở bờ biển phía tây nước Ý, như một thường dân.

Nhưng quân Gôloa đến xâm chiếm La Mã. Sau nhiều trận đánh ác liệt, họ vào được La Mã, tàn sát nhân dân và vợ vệt của cải.

Caminluyt trước cảnh nước mất nhà tan, không đành lòng ngồi yên một chỗ. Ông tập hợp thanh niên xứ Ácđêa và hô hào họ đứng lên đuổi quân xâm lược.

Quân Gôloa lục lọi khắp nơi, khuân vể rất nhiều tài sản và thực phẩm. Họ đóng ở cánh đồng chung quanh thành Capitôn và cho rằng người La Mã không còn khả năng đánh đuổi họ, nên chủ quan cả ngày ăn uống no say.

Đương đêm, giữa lúc họ ngủ say, Caminluyt cầm đầu một đội

quân thanh niên, tiến vào doanh trại của họ. Ông ra lệnh cho quân lính reo hò ầm ĩ và thổi kèn vang lừng, khiến quân Gôloa hoảng sợ chạy tán loạn, bị giết hàng loạt.

Lúc đó, quân Gôloa vẫn còn bao vây thành Capiton, Caminluyt được nhân dân La Mã nhiệt liệt hoan nghênh, đem một đội quân hùng mạnh về giải phóng Capiton.

Dân chúng được giải phóng. Hồ hởi đón chào người anh hùng cứu quốc đã vì đất nước mà quên mỗi hận thù xưa.

70. SỢ CHÍNH QUYỀN HÀ KHẮC HƠN SỢ HỒ

Khổng Tử du thuyết sang Tề, đi ngang qua núi Thái Sơn, nghe ai oán tiếng khóc từ trong rừng sâu vắng tới.

Khổng Tử nói :

– Tiếng khóc của người đàn bà này ta nghe như trong nhà có trùng tang !

Người sai Tử Cống đến hỏi. Người phụ nữ vuốt nước mắt than :

– Ở đây lắm hổ. Bố chồng tôi bị hổ vồ, chồng tôi cũng thác về hổ, bây giờ con tôi lại chết về hổ nữa. Thảm lắm ông à !

Tử Cống bảo :

– Thế sao bà không bỏ chỗ này ra ngoài xóm đông đúc kia ở mà tránh nạn ?

– Tuy vậy, ở đây còn có thể sống được, chứ ở ngoài ấy chính sách quan trên hà khắc tàn bạo không sống nổi mới bỏ vào đây – người phụ nữ ngậm ngùi, kể lể.

Tử Cống đem chuyện thưa lại với Khổng Tử.

Khổng Tử nói với đám môn sinh :

– Các người nhớ lấy : chính sách cai trị dân hà khắc khốc hại hơn cả hổ dữ !

71. CHỈ CÓ THỂ DỰA VÀO SỨC MÌNH

Trong thời Chiến Quốc, nước Đổng là một nước nhỏ chen vào khoảng giữa hai nước Lớn là nước Tề và nước Sở.

Vua Văn Công nước Đổng rất lo cho tương lai nước mình, mới hỏi ý kiến ông Mạnh Tử là nên dựa vào nước nào trong hai nước láng giềng ấy.

Mạnh Tử trả lời:

– Nếu dựa vào Tề, thì Sở sẽ tức giận; dựa vào Sở thì Tề sẽ tức giận. Nên chỉ có một cách là tự mình giữ lấy mình. Xin nhà vua đào hào cho sâu, xây thành cho cao và phải lấy được lòng dân, cùng toàn dân giữ nước. Nếu xảy ra biến cố gì thì vua liều chết giữ nước, dân cũng liều chết theo vua. Như thế là dựa vào lòng dân mà giữ được nước!

Việc này cũng xuất phát từ tư tưởng “Dân vi quý” của Mạnh Tử.

72. BÉ HẠT TIÊU

Quốc vương đầu tiên của người Do Thái là Xauyn đánh nhau với người Philixtanh.

Hai đạo quân của hai bên đóng cách nhau một thung lũng nhỏ, mới chỉ theo dõi nhau, chưa xung trận.

Trong bốn mươi ngày, sớm cũng như chiều, cứ thấy một lực sĩ to lớn, mặc một bộ chiến bào bằng sắt, hùng dũng đứng ở thung lũng thách thức quân đội Do Thái với những lời ngạo mạn, thô bỉ, nhưng chưa ai dám ra nghênh chiến.

Một hôm một thanh niên chẵn cừu tên là Đavít được cha sai đem thức ăn cho ba người anh ở trong quân đội Do Thái. Nghe thấy Gôliát (tên người lực sĩ) thách thức lỗ mãng, Đavít tức quá, liền đến xin vua Xauyn cho ra đánh nhau với kẻ lão xược.

Vua phán :

– Cháu còn ít tuổi, làm sao địch nổi một kẻ to lớn và đã sành sỏi trong chiến đấu ?

Đavít tâu rằng :

– Kẻ hạ thần tôi đã giết được những con ác thú định ăn thịt cừu của phụ thân. Xin bệ hạ cho phép hạ thần xử tội tên cuồng bạo ấy.

– Vậy thì cháu cứ đi, ta cầu Chúa phù hộ cho cháu.

Nhà vua trao cho Đavít một chiến bào, một mũ sắt và một thanh gươm. Nhưng chàng thanh niên không quen dùng những thứ đó. Anh ra bờ suối nhặt mấy viên đá bỏ vào cái bị anh vẫn đem theo cùng với cái ná và cây gậy.

Anh ra đứng trước mặt kẻ khiêu khích. Gôliát kêu to lên :

– Thằng ranh con, mày muốn chết ư ?

Đavít liền dùng ná bắn một viên đá vào giữa trán Gôliát. Tên hung hãn ngã lảo đảo xuống đất. Đavít chạy lại, giằng thanh kiếm và kết liễu đời nó. Quân Philixtanh thấy vậy hoảng sợ chạy tán loạn. Những binh sĩ Do Thái đuổi theo và giết rất nhiều.

Từ đó Đavít được mọi người kính nể. Về sau, vua Xauyn gả công chúa và nhường ngôi cho chàng.

73. CON CHẴNG GIỐNG CHA

Vua Đavít có một người con là Ápxalông. Khi lớn lên, hoàng tử là một thanh niên rất đẹp trai: thân hình cân đối, bộ mặt khôi ngô, lại có mớ tóc dài và rậm khiến hoàng tử lấy làm tự hào.

Càng ngày, Ápxalông càng trở nên kiêu ngạo và thích ăn chơi. Chàng tụ họp một đám thanh niên cùng đam mê tử sắc, ăn sang, mặc đẹp, lại thích tổ chức những cuộc vui xa xỉ. Mỗi lần ra khỏi cung là có tiền hô hậu ủng, đem theo xe, ngựa đầy đường.

Bọn thanh niên du đãng được Ápxalông chiều chuộng nên càng ngênh ngang, hống hách.

Ít lâu sau chúng nổi lên cướp ngôi vua. Quốc vương Đavít phải chạy trốn ra khỏi thành Giêrudalem. Các tướng ta liền tập hợp chung quanh nhà vua và quyết tâm đánh bọn nổi loạn. Dưới sự chỉ huy của ba viên tướng, đứng đầu là tướng Giôáp, quân đội tiến vào thành. Nhà vua Đavít đề nghị với tướng ta là đừng giết đứa con bất hiếu của mình.

Bọn quân nổi loạn bị đánh tan tành. Ápxalông cưới một con la chạy trốn vào rừng nhưng mớ tóc đẹp và dài của chàng vướng vào cành một cây sồi và chàng bị treo lơ lửng ở giữa trời.

Một quân nhân trông thấy, đến báo cho Giôáp. Viên tướng nói:

– Anh đã thấy nó thế, sao không đâm cho nó bỏ mạng?

Người lính nói:

– Nhưng nhà vua đã đề nghị đừng giết con trai Người kia mà!

Giôáp liền chạy đến, cầm lao đâm chết Ápxalông. Thế là hết đời một đứ con bất hiếu.

74. VỎ QUÝT DÀY CÓ MÓNG TAY NHỌN

Án Anh (tức Án Tử) là con một vị tướng nước Tề thời Chiến Quốc, có đạo đức cao và tài ứng đối giỏi.

Một lần Án Anh sang thăm nước Sở. Trước khi ông đến, vua Sở nói với cận thần :

– Án Tử là một tay ăn nói giỏi của nước Tề. Y sang đây, trẫm muốn làm nhục, có cách gì không ?

Một kẻ cận thần góp ý :

– Đợi lúc Án Tử sang đây. Kẻ hạ thần sẽ cho trói một người dẫn đến trước mặt bệ hạ.

– Để làm gì ?

– Để giả làm một kẻ người nước Tề phạm tội ăn trộm.

Khi Án anh đến nơi, vua nước Sở đãi tiệc trọng thể. Lúc đương uống rượu thì bọn lính điệu một người bị trói vào. Vua Sở hỏi :

– Tên kia có tội gì mà phải trói thế ?

Một tên lính thưa :

– Tên này là một người nước Tề phạm tội ăn trộm.

Vua nước Sở mỉm cười chế nhạo, nói với Án Anh :

– Người quý quốc hay trộm cắp nhỉ !

Án Anh bình tĩnh trả lời :

– Chúng tôi thiết nghĩ cây quýt mọc ở đất Hoài Nam có quả rất ngọt, nhưng đem sang trồng ở đất Hoài Bắc thì quả lại chua. Đó là do thủy thổ khác nhau mà sinh ra thế. Người ở nước Tề chúng tôi không quen trộm cắp, nhưng sang nước Sở lại sinh ra ăn trộm có lẽ cũng là vì thủy thổ giữa bản quốc và quý quốc khác nhau chẳng ?

Vua nước Sở định làm nhục Án Anh, ngờ đâu chính mình lại bị nhục !

75. AI NGU

Vua Tề Hoàn Công đi săn, đuổi theo một con hươu. Hươu chạy vào một cái hang. Trong hang có một ông lão. Hoàn công hỏi ông lão:

– Hang này là hang gì?

– Thưa là hang Ngu Công.

– Sao lại đặt tên như thế?

– Vì kẻ hạ thần là một người ngu, nên thiên hạ đặt cho hang của hạ thần như thế.

Hoàn Công hỏi: “Sao người ta lại cho ông lão là ngu?”

Ông lão liền kể rằng trước đây ông có một con bò cái đẻ được một con bê; khi bê con đã lớn, ông đem bán đi để mua một con ngựa con về nuôi cùng con bò cái. Nhưng một hôm có một tên thanh niên đến lấy lí là bò không đẻ được ra ngựa, nên lấy con ngựa đem đi. Ông lão chịu mất, không sao cãi được. Do đó người chung quanh mới cho ông là ngu và đặt cho hang của ông cái tên là hang Ngu Công.

Về triều, Hoàn Công kể lại câu chuyện cho tướng quốc Quản Trọng nghe. Quản Trọng liền tâu:

– Nếu có kẻ ngỗ ngược lấy không ngựa của người ta như thế thì tức là hình pháp của nước nhà không nghiêm. Đó là cái ngu của kẻ hạ thần này. Vậy xin bệ hạ cho chỉnh đốn lại chính sự.

76. CẦU CHO BẠO CHÚA SỐNG LÂU

Nhân dân xứ Xiraquidơ chỉ mong thoát được cái ánh của tên bạo chúa Đơnit.

Song có một bà già sáng nào cũng đến nhà thờ cầu xin cho Đơnit được trường thọ.

Biết tin ấy, tên bạo chúa mời bà già vào cung điện và hỏi:

- Vì cớ gì bà lại cầu phúc cho trẫm?

Bà già đã thẳng thắn trả lời:

- Khi tôi còn nhỏ, nhân dân đã khổ vì một tên bạo chúa. Tôi đã cầu xin cho nó phải chết. Nhưng sau khi nó bị một người hành thích, kẻ lên thay nó lại tàn bạo gấp nhiều lần. Tôi lại nghĩ rằng nếu tên này chết nốt thì nhân dân sẽ thoát cảnh lầm than. Ngờ đâu sau khi nó qua đời, nhà vua cướp ngôi và nhà vua hiện đương làm cho nhân dân cực khổ hơn trước. Vì thế, tôi nghĩ rằng thà để nhà vua trị vì còn hơn là chuốc lấy một kẻ tàn ác hơn nhà vua. Cho nên tôi cầu cho nhà vua sống lâu.

Nghe thế, tên Đơnit đành phải cho bà già ra về. Song tên bạo chúa càng ngày, càng lo sợ bị hành thích. Mỗi khi cần nói trước quần chúng, Đơnit phải đứng trên một cái tháp cao để không cung nỏ nào bắn tới được.

Đơnit đa nghi đến mức, chỉ cho con gái cạo mặt cho hẵn mà thôi. Nhưng khi con hẵn đã lớn, hẵn không cho dùng dao cạo mà chỉ cho hơ lửa để rụng râu, tóc.

Đơnit có hai vợ, nhưng mỗi khi đến phòng người nào thì Đơnit tự khám xét khắp nơi. Ngay cái giường nằm cũng được bao quanh bằng

một cái hào sâu và rộng; muốn bước lên giường phải đi qua một cái cầu gỗ có thể kéo lên. Trước khi qua cầu, tự hẳn phải đóng chặt cửa, chứ không tin một tên lính gác nào.

Như vậy Đơnit trở thành một người cô độc, sống trơ trọi, không thân được với ai, khác gì tự giam mình trong một nhà ngục.

77. ĂN THUỐC BẤT TỬ MÀ LẠI CHẾT U'

Trong thời Chiến Quốc, có người đem dâng vua nước Sở một vị thuốc gọi là thuốc bất tử.

Khi người ấy đến cổng hoàng cung, viên quan coi cổng hỏi:

– Thuốc này ăn được không?

Người kia đáp:

– Ăn được!

Thế là viên quan coi cổng giật lấy vị thuốc bỏ ngay vào miệng.

Việc ấy đến tai vua, vua cho gọi viên quan coi cổng vào chầu và ra lệnh chém đầu.

Viên quan đập đầu thưa rằng:

– Khi thần hỏi người dâng thuốc là có ăn được không, người ấy trả lời là ăn được, nên thần mới dám ăn. Nhưng nói là thuốc bất tử,

mà thần vừa mới ăn đã phải tội chết, thế thì có phải là thuốc bất tử đâu. Vậy chính người dâng thuốc lừa dối nhà vua.

Vua Sở nghe nói có lí, tha tội cho người coi cổng. Chắc nhà vua cũng rút ra được bài học là không nên tin những kẻ xu nịnh.

78. ĐỐI XỬ VỚI BINH LÍNH

Alếchxăng luôn luôn nêu gương tốt cho binh sĩ. Trong các cuộc chiến đấu, ông thân chinh ra trận, xông pha vào những nơi nguy hiểm.

Khi binh sĩ bị nạn thì hết lòng săn sóc: có lần một người lính bị gấu cắn, ông ân cần hỏi thăm và cảm ơn người thầy thuốc đã chữa cho người lính ấy.

Đối với những binh sĩ Maxêđoan già yếu hay bị thương, ông cho về quê và ra lệnh cho người cầm quyền nhiếp chính ở nhà phải ưu đãi họ: khi có hội hè, phải mời họ đến dự, cho họ đội mũ hoa và xếp ngồi trước những người khác.

Khi nghe xử kiện thì chú ý đến lời khai của người bị cáo hơn là nghe lời kết tội của quan tòa. Kẻ có tội mà thành thực thú tội thì được tha. Có lần một tên lính trốn nhiệm vụ, nhưng khi anh ta thú nhận là vì mê một kĩ nữ, thì được tha tội và cho phép cưới người ấy.

Đối với thương binh, Alếchxăng ra lệnh chăm sóc chu đáo. Con cái những người tử trận được hưởng lương cho đến khi khôn lớn.

Vì Alếchxăng đối xử tử tế với binh sĩ, nên mọi người kính phục ông và sẵn sàng hi sinh vì ông.

Đó chính là một lí do làm cho đội quân của Alếchxăng chiến thắng liên tiếp.

79. KHÔNG THẮNG TRỘM

Đại quân của Alếchxăng tiến đánh quân Ba Tư. Một đêm tới một cánh đồng có quân Ba Tư dàn trận, đuốc thắp sáng rực, quân sĩ đi lại ồn ào.

Tướng sĩ của Alếchxăng thấy thế, cho rằng đương đêm mà đánh úp thì thắng dễ dàng, liền vào tâu với nhà vua xin tập kích.

Alếchxăng biết rằng đã đánh thì đánh ban ngày, giữa thanh thiên bạch nhật, cho quân địch thấy rằng quân mình thắng là nhờ tài giỏi chứ không phải là nhờ đêm, nên đã trả lời tướng sĩ một câu :

- Ta không thắng trộm !

Trong chiến tranh, tập kích cũng là một chiến thuật, nhưng thời ấy, hai bên đánh nhau dàn trận trước mặt nhau, thắng trận là do tài năng và lòng dũng cảm.

Viết đến đây, lại nhớ đến cuộc chiến tranh năm 1745 giữa hai nước Pháp và nước Anh, có một trận hai bên dàn ra sắp bắn nhau, thì viên võ quan Pháp nói : "Các ông anh, xin mời các ông bắn trước!".

Lời nói đó còn ghi lại sáng ngời trong sách sử !.

80. ĐỐI XỬ VỚI ĐỊCH

Khi Alếchxăng đem toàn quân sang đánh nước Ba Tư, vua nước này là Đariuyt bị thua phải chạy trốn.

Alếchxăng cùng tướng sĩ đuổi theo trong mười ngày. Nhưng khi đến nơi, thì được tin Đariuyt vừa bị một tên phản bội là Bécxút ám hại.

Nhìn thấy Đariuyt máu chảy đầm đìa và đương hấp hối, Alếchxăng chạy lại gần. Đariuyt than thở là chưa kịp trả ơn Alếchxăng đã hậu đãi mẹ, vợ và con mình, rồi tắt thở.

Một mặt, Alếchxăng cho quân đi đuổi theo Bécxút để trị tội, một khác cử hoàng bào đắp cho Đariuyt, rồi cho ướp xác và cử một đoàn quân đem thi thể về kinh đô Ba Tư, làm lễ tống táng long trọng.

Mẹ, vợ và con của Đariuyt vô cùng cảm động và biết ơn.

Sau này, nghe tin Alếchxăng băng hà, bà mẹ của Đariuyt là Xixigămbít khóc than thảm thiết như đối với con mình, rồi bà nhịn ăn đến chết.

81. ĐÁNH THÌ ĐÁNH NHƯNG HÃY NGHE TÔI ĐÃ

Vua Ba Tư là Xécxét đem một đạo quân hùng hậu sang xâm chiếm Hi Lạp. Khi đội quân ấy tiến vào thành Aten, người lãnh đạo thành là tướng Têmixtôclơ thấy rằng không thể chống lại đạo quân to lớn ấy. Ông khuyên dân chúng thành Aten bỏ thành, xuống các chiến thuyền để chiến đấu trên biển. Ông tổ chức cho phụ nữ, trẻ em và các cụ già sơ tán sang tỉnh Tờrêden. Còn những trai tráng đều xung vào đội thủy quân, dưới quyền Têmixtôclơ.

Song hồi đó, các lực lượng hải quân của cả nước Hi Lạp ở dưới quyền điều khiển của tướng Oribiát là người xứ Xpáctơ. Để cứu vãn Aten, Têmixtôclơ đành phải chịu sự chỉ huy của Oribiát.

Oribiát quyết định bỏ đảo Xalamin ở phía tây miền Áttích để rút về thành Côranhtơ. Têmixtôclơ cương quyết phản đối quyết định đó, vì theo ý ông phải chống với hải thuyền Ba Tư ở eo biển giữa đảo Xalamin và vùng Áttích, làm cho đạo quân to lớn của Xécxét không thể hoạt động được ở miền hẹp ấy.

Cuộc tranh cãi giữa Oribiát và Têmixtôclơ rất mãnh liệt, đến mức Oribiát nổi nóng, giơ gậy chỉ huy định đánh Têmixtôclơ.

Viên tướng Aten vẫn bình tĩnh nói:

- Đánh thì đánh, nhưng hãy nghe tôi đã!

Ngạc nhiên trước sự gan góc của Têmixtôclơ, Oribiát phải nghe. Têmixtôclơ đã thuyết phục được.

Quả nhiên, đạo quân của Xécxét đã bị đánh tan tành ở đảo Xalamin. Nhờ đó Aten được giải phóng.

82. MỘT ÔNG QUAN THANH LIÊM

Thời nhà Hán, có một ông quan nổi tiếng là thanh liêm. Đó là ông Dương Chấn.

Ông được bổ là thái thú quận Đông Lai. Khi đi qua huyện Xương Ấp, viên tri huyện là Vương Mật trước kia đã nhờ ông đề bạt, xin được yết kiến và nhân đêm khuya, đưa một số vàng biếu ông.

Ông Dương Chấn nói: Trước kia, biết ông là người có khả năng, nên mới đề bạt ông. Ai ngờ ông không hiểu tôi, lại đem vàng tặng tôi, tôi không nhận đâu.

Vương Mật thưa:

- Xin quan lớn nhận cho. Bây giờ đêm khuya, không có ai biết.

Dương Chấn cười nói:

- Trời biết, đất biết, ông biết, tôi biết, sao lại bảo là không ai biết!

Vương Mật xấu hổ, lúi thủi đem vàng ra về.

83. HAI THỨ CỦA BÁU

Trong thời Xuân Thu, ở nước Tống có một ông quan nổi tiếng là thanh liêm. Đó là ông Tử Hãn.

Ở địa phương ông cai trị, có một người đào được viên ngọc quý.

Người đó đem ngọc biểu Tử Hãn và nói rằng:

- Tôi tìm được viên ngọc này, hỏi người thợ ngọc được biết là của báu. Tôi xin dâng quan lớn.

Tử Hãn cảm ơn và nói:

- Viên ngọc anh tìm được là của báu của anh. Nhưng lòng thanh liêm lại là của báu của tôi. Nếu tôi nhận ngọc của anh thì hai ta đều mất của báu.

Rồi ông khuyên người đó đem ngọc về bán đi để làm giàu. Người biểu ngọc lạy tạ ra về, trong bụng thầm khen một vị quan liêm khiết.

84. KHÔNG NHẬN CÁ TỨC LÀ CÓ CÁ ĂN LÂU DÀI

Về thời Chiến Quốc, một người làm tướng nước Lỗ, tên là Công Nghi Hưu, rất thích ăn cá.

Một hôm, có người biết tính ông, đem cá đến biếu ông. Người ấy nài thế nào, ông cũng không nhận.

Khi người ấy đã đem cá ra về, người em ông hỏi ông:

- Anh vốn thích ăn cá, người ta đem cá đến biếu, sao anh không nhận?

Công Nghi Hưu đáp:

- Họ tự nhiên đem biếu mình cá, chắc là có ý muốn nhờ vả gì mình. Nếu tôi nhận thì sau này phải giúp người ta. Giúp người ta mà trái phép nước, thì sẽ mất chức. Mà đã mất chức thì không những chẳng có ai biếu cá nữa, mà ngay mua cá mà ăn cũng chẳng có khả năng. Chi bằng không nhận cá biếu thì còn có cá ăn lâu dài!

Âu cũng là một bài học hay cho những kẻ hay ăn hối lộ.

85. NGƯỜI TÙ ĐƯỢC KÍNH TRỌNG

Trong thời Xuân Thu, một người nước Sở tên là Chung Nghi bị bắt bỏ tù ở nước Tấn.

Một hôm vua nước Tấn là Cảnh Công cho dẫn người tù đó đến trước mặt và hỏi:

– Ông cha anh xưa nay làm nghề gì?

– Ông cha tôi xưa nay làm nhạc quan.

– Vậy anh có biết nhạc không?

– Tôi vẫn giữ nghề của ông cha.

Cảnh Công cho đưa ra một cây đàn cầm vĩ bảo Chung Nghi gảy một khúc.

Chung Nghi tấu một bản nhạc nước Sở.

Cảnh Công lại hỏi:

– Vua nước anh là người thế nào?

– Tôi tài hèn, trí kém, sao biết được đức cao của vua nước tôi.

Khi Cảnh Công kể lại cuộc đối thoại này cho một cận thần, ông này phân tích:

– Tên tù nước Sở này giữ được nghiệp nhà là người không quên gốc; chơi nhạc vẫn tấu nhạc nước Sở, tức là không quên nước; khi hỏi đến vua nước Sở, tuy nói không biết gì, nhưng vẫn tôn là đức cao, như thế là vẫn giữ được lòng tôn quân. Vậy người ấy thực là một người quân tử.

Cảnh Công cho lời nói đó có lí, nên hậu đãi Chung Nghi và cho đưa về nước Sở để đặt mối hòa hiếu giữa hai nước.

86. CHỐNG XA XỈ

Sau khi chiếm được nước Ba Tư, các tướng ta của Alếchxăng ở trong những lâu đài lộng lẫy, có những kho tàng đầy ắp vàng ngọc, sinh ra ham mê một cuộc sống xa xỉ: thích ăn của ngon vật lạ, thích mặc gấm vóc, lụa là; có kẻ dùng đỉnh bằng bạc đóng giày; có người sai quân sang tận Ai Cập lấy cát về rải sân; có người tắm rửa bằng những nước hoa thơm quý, đi đâu cũng đem theo tô tở hầu hạ...

Thấy thế, Alếchxăng rất buồn.

Một hôm, ông tập họp các tướng sĩ lại để hiểu dụ. Ông nói: “Trẫm thấy các người tham gia nhiều trận đánh vất vả, cũng muốn các người được nghỉ ngơi. Nhưng các người đã ham mê hưởng lạc. Các người hãy so sánh cuộc sống ở nước ta với cách ăn ở của người Ba Tư, các người sẽ thấy rằng vì ưa cuộc sống xa xỉ mà họ buộc mình vào vòng nô lệ. Không có gì xứng đáng với các bậc vua chúa là nét cần lao... Các người nên nhớ rằng muốn được hưởng cuộc sống hạnh phúc lâu dài thì chớ nên bắt chước kẻ bại!”.

87. TRỪ BỌN MÊ TÍN HẠI DÂN

Đời nhà Hán, trong một huyện ở tỉnh Hà Nam (Trung Quốc) những người mê tín cho rằng hằng năm phải ném xuống sông một thiếu nữ để làm vợ cho thần Hà bá thì dân mới yên.

Khi ông Tây Môn Báo được cử đến làm quan cai trị ở huyện ấy, ông muốn trừ bọn mê tín hại dân.

Đến ngày các hào trưởng tổ chức lễ cưới cho Hà bá, ông đến nơi, nhận làm chủ lễ. Bọn đồng cốt đưa một người con gái đến. Ông nói: "Người thiếu nữ này xấu lắm, không đáng làm vợ Hà bá. Ta nhờ một ông đồng xuống trình với Hà bá là để tìm một người đẹp, xin hoãn lại hôm khác". Rồi lập tức ông sai lính khiêng một ông đồng quảng xuống sông.

Một lúc sau, ông nói: "Sao lâu thế?" Rồi ông bảo một bà cốt xuống nói giúp, và tức thì sai lính vớt một bà cốt xuống sông.

Ông định cử bọn hào trưởng xuống tìm hiểu tin tức. Nhưng ai nấy đều run như cầy sấy, van lạy xin thôi và hứa từ đây không tổ chức lễ cưới cho Hà bá nữa.

Ông Tây Môn Báo đã hi sinh hai tên đồng cốt quàng xiên để chấm dứt một tệ nạn mê tín hại dân hằng năm.

88. KHÔNG TIN TƯỞNG SỐ NỮA

Vua Vũ Đế nhà Hán một hôm nói với triều thần:

– Trẫm xem trong sách tướng số thấy nói: “Người nào nhân trung dài một tấc thì sống lâu một trăm tuổi”.

Nghe thế, ông Đông Phương Sóc, người nổi tiếng khôi hài cười sằng sặc. Các quan cho là vô lễ đối với chúa thượng.

Đông Phương Sóc quỳ tâu:

– Muôn tâu bệ hạ, kẻ hạ thần đâu dám mạn thượng, nhưng nghĩ đến ông Bành tổ mặt dài mà không thể nhin cười.

Vua hỏi:

– Vì sao ông Bành tổ mặt lại dài?

– Thưa theo tục truyền thì ông Bành tổ sống tám trăm tuổi, nếu câu trong sách tướng số là đúng thì nhân trung của ông Bành tổ dài tám tấc, như thế thì mặt của ông phải dài đến một trượng!

Vũ Đế nghe nói bật cười và tha tội cho Đông Phương Sóc. Nhà vua cũng thấy rằng sách tướng số không đáng tin.

89. TÔ TẦN DẠY KHÉO

Trong thời Chiến quốc có một nhà du thuyết giỏi là Tô tần.

Có lần ông sang nước Sở, phải châu chực ba ngày mới được vào yết kiến vua Sở.

Trình bày xong ý kiến của mình. Tô tần xin cáo biệt.

Vua Sở nói:

- Tiên sinh đã không quản xa xôi đến thăm quả nhân, sao không chịu ở lại ?

Tô Tần chậm rãi thưa:

- Tôi thấy ở quý quốc thức ăn đắt hơn ngọc, củi đắt hơn quế, các quan thì khó thấy như ma, còn nhà vua thì khó được yết kiến như trời. Vậy bệ hạ muốn bắt tôi ở lại để ăn ngọc, thổi quế nhờ ma để thấy trời hay sao ?

Sở Vương ngượng ngùng xin lỗi.

Những người quyền quý ngày nay có rút ra được bài học nào không ?

90. CAN KHÉO

Tề Cảnh Công có con ngựa quý, vẫn giao cho một chức quan nhỏ chăm sóc. Một hôm tự nhiên con ngựa lăn ra chết. Cảnh Công tức quá, ra lệnh phanh thây người nuôi ngựa.

Lúc đó Ân Anh ngồi chầu và xin thưa. Cảnh Công cho nói.

Ân Anh tâu:

– Tên phạm này chưa biết rõ tội, mà phải chịu chết thì vẫn tưởng là oan, xin bệ hạ cho phép hạ thần kể rõ tội của nó.

Thế rồi Ân Anh nói với người coi ngựa:

– Nhà người có ba tội đáng chết: Nuôi ngựa của đức vua mà để ngựa chết là một tội đáng chết. Lại để chết con ngựa mà vua quý là hai tội đáng chết. nay vì con ngựa quý mà nhà vua phải ra lệnh giết người, để trăm họ nghe thấy ai cũng oán vua, các nước nghe thấy sẽ không còn trọng vua, vì nhà người để chết ngựa mà dân gian oán giận nhà vua, các nước ngoài có bụng coi nhẹ nước ta, đó là ba tội đáng chết, người hiểu chưa?

Cảnh Công nghe những lời ấy cũng tỉnh ngộ ra và sai tha cho người chăn ngựa,

91. LỜI KHEN CÓ SỨC THUYẾT PHỤC

Sách Án tử Xuân thu có ghi một lời nói của Án Anh đã có sức thuyết phục một ông vua tự ái.

Ông vua đó là Tề Cảnh Công có tính nghiện rượu, nhiều khi say luôn mấy ngày đêm, không lo gì đến triều chính.

Một ông quan trung hậu là Huyền Chương dũng cảm khuyên nhà vua:

- Hạ thần xin can bệ hạ không nên say sưa nữa. Nếu bệ hạ không nghe, hạ thần xin tự tận.

Ngay lúc ấy Án Anh vào chầu, Cảnh Công nói:

- Huyền Chương khuyên trăm bỏ rượu. Nếu trăm nghe theo thì hóa ra trăm non, mà không nghe thì Huyền Chương tự sát, kể cũng đáng tiếc.

Án Anh liền thưa:

- May thay cho Huyền Chương gặp được bệ hạ, nếu lại nhờ vua Kiệt, vua Trụ thì chết mất!

Cảnh Công nghe nói, tỉnh ngộ, nghe theo lời can của Huyền Cao mà chừa rượu.

Một lời nói khéo đã cứu được bạn đồng liêu và đã can ngăn được nhà vua.

92. SỞ VƯƠNG MẤT CUNG

Một hôm, Sở Cung Vương cùng với triều thần đi săn, nhưng trong khi đi đường đánh rơi mất cái cung lúc nào không biết. Khi phát hiện mất cung, các quan nhốn nháo đi tìm. Cùn Vương nói:

– Tìm làm gì nữa! Vua nước Sở mất cung, người nước Sở sẽ bắt được cung, thì có thiệt gì!

Khổng Tử nghe chuyện cho rằng cái quan niệm của Sở Cung Vương còn hẹp và phát biểu rằng:

– Sao không nói: Một con người đánh mất cung, một con người khác nhặt được cung thì có thiệt gì?

Ôi! Cái tư tưởng đại đồng đó biết bao giờ mới thực hiện được?

93. NGƯỜI CHĂN CỪU QUÂN TỬ

Trong thời nhà Hán, có một người nông dân tỉnh Hà Nam (Trung Quốc) chăm nghề làm ruộng và chăn cừu, tên là Bốc Thức.

Cha mẹ mất sớm, Bốc Thức phải nuôi một người em. Khi người em lớn lên, ông cho em tất cả gia tài, nhà cửa, vườn ruộng, chỉ giữ một số cừu.

Ông vào núi chăn cừu, trong mười năm trời, số cừu tăng rất nhanh. Thức có tiền mua ruộng vườn, xây nhà cửa. Trái lại, người em vì lười biếng và ăn tiêu xa xỉ, nên đã bán hết sản nghiệp. Thức lại chia gia tài cho em đến mấy lần.

Hồi đó, vì nạn lụt, nhân dân trong nước đói khổ, lại thêm có nạn người Hung nô sang xâm lăng. Vua nhà Hán, một mặt phải lo cung cấp lương thực cho dân nghèo, mặt khác phải cho quan quân ra biên thùỵ chiến đấu với kẻ xâm lược.

Thấy thế, Bốc Thức dâng thư xin nộp một nửa gia sản cho quan lại địch phương, để đóng góp vào việc cứu nước.

Nghĩa cử đó đến tai vua. Nhà vua cho sứ giả đến hỏi Thức :

- Có muốn được làm quan không ?
- Từ nhỏ tôi chỉ biết việc chăn nuôi, không quen làm quan, nên không muốn làm quan.
- Trong nhà có điều gì oan ức muốn bày tỏ không ?
- Tôi vốn không tranh giành gì với ai, trong thôn xóm, tôi sẵn sàng giúp đỡ những người nghèo; nếu có ai hư hỏng thì tôi khuyên bảo, mọi người đều nghe lời tôi. Vì thế tôi chẳng có điều gì oan ức cả.

- Vậy ông muốn gì ?

- Hiện có giặc ở biên giới. Người có tài năng thì phải ra đi giết giặc, người có của thì phải góp phần vào việc đuổi giặc ngoại xâm.

Sứ giả về kể lại cho nhà vua. Vua Hán Vũ Đế phải khen người chặn cừu đó là người quân tử.

94. VÌ NƯỚC NHÀ CHỊU KHUẤT

Vào thế kỉ thứ III trước Công nguyên, nước Triệu có một viên tướng giỏi tên là Liêm Pha. Vì có công lớn trong việc dẹp giặc, được vua Huệ Văn phong chức Thượng khanh, nổi tiếng ở các nước chư hầu.

Lúc bấy giờ nước Triệu là một nước nhỏ so với nước Tần. Vua Chiêu Vương nước Tần muốn ép nước Triệu phải hiến dâng một viên ngọc quý, hứa là sẽ đổi mười lăm thành.

Khi Lạn Tương Như đem ngọc sang Tần, thì quả vua Tần muốn lấy ngọc mà không nói gì đến việc đổi thành.

Bằng tài biến báo và chí cương quyết của mình, Lạn Tương Như đã lấy lại được ngọc mà vua Tần phải phục tài.

Khi Lạn Tương Như về, vua Triệu khen là một sứ thần giỏi và phong làm Thượng đại phu.

Lần thứ hai, Lạn Tương Như lại có công lớn trong việc ứng đối, khiến vua Tần không thể làm nhục vua Triệu.

Vì thế vua Triệu phong cho Lạn Tương Như là Thượng khanh, ở địa vị cao hơn Liêm Pha.

Liêm Pha tức bực nói với môn hạ :

– Ta là một vị tướng lập được công to. Còn Lạn Tương Như chỉ nhờ miệng lưỡi mà được nhà vua phong cho chức ở trên ta. Ta quyết làm nhục ông ta.

Tương Như biết tin ấy, hết sức tránh mặt Liêm Pha. Một hôm gặp Liêm Pha, Tương Như lẩn đi. Những người môn hạ trách ông, ông đã

trả lời :

– Oai như vua Tần mà Tương Như này còn dám gằm thét giữa triều đình, há lại sợ Liêm Pha sao ! Nhưng nước Tần mạnh mà không dám đem quân sang đánh nước Triệu của ta là vì có Liêm Pha và có ta. Nay hai con hổ cắn nhau thì thế nào cũng mất một. Vì việc nước, ta phải gác thù riêng.

Liêm Pha nghe tin ấy, bèn đến nhà Tương Như tạ tội.

Từ đó, hai người thân thiết, thề sống chết có nhau.

95. NGƯỜI LÁI TRÂU YÊU NƯỚC

Huyền Cao là một người lái trâu ở nước Trịnh, một nước nhỏ trong Đông Chu liệt quốc. Lúc đó, các công tử con các quan to nhà Chu thường chơi trâu: Những con trâu to béo, lông mượt thì đặt mấy cụng mua. Huyền Cao thường đem trâu sang bán, được lãi rất nhiều và rất giàu có.

Một hôm ông đương dắt trâu đi, thì gặp một người bạn cũ. Người bạn này báo cho Huyền Cao một tin quan trọng, là nước Tần, một nước lớn, đã sai một đạo quân hùng hậu sang đánh úp nước Trịnh để thôn tính.

Huyền Cao sửng sốt, nói rằng:

– Nước Trịnh là Tổ quốc ta. Nay nước sắp có nạn ngoại xâm mà không cứu thì còn mặt mũi nào trở về!

Ông liền một mặt cho người phi báo khẩn cấp về nước Trịnh để phòng bị, mặt khác, ông chọn một đàn trâu béo rồi ngồi xe tiến đón quân Tần.

Khi gặp tiền đội quân Tần, Huyền Cao nói:

– Tôi là sứ thần nước Trịnh, xin được yết kiến tướng quân nguyên soái.

Quân sĩ báo với tướng Tần là Mạnh Minh. Mạnh Minh ngạc nhiên, không hiểu vì sao nước Trịnh lại biết quân Tần đang tiến sang đánh.

Mạnh Minh cho phép sứ thần nước Trịnh vào yết kiến.

Huyền Cao làm như phụng mệnh vua Trịnh đến đón quân Tần và thưa rằng:

– Chúa công chúng tôi nghe tin tướng quân đem quân đi qua tiểu quốc chúng tôi, nên sai tôi mang dâng lễ mọn để tướng quân khao quân.

Mạnh Minh hỏi:

– Vua nước Trịnh sai nhà người đến gặp ta, sao không có quốc thư?

Huyền Cao đáp:

– Chúa công tôi nghe tin tướng quân tiến quân gấp lắm, nếu sửa quốc thư thì không kịp nghênh tiếp, nên truyền miệng cho tôi đem trâu đến dâng, xin tướng quân lượng tình mà thứ cho.

Mạnh Minh nhận lễ và cho Huyền Cao về, gửi lời cảm ơn vua Trịnh, rồi ra lệnh chuyển quân sang đánh một nước nhỏ khác.

Như thế là một người lái trâu, tuy vẫn nghĩ đến việc làm giàu, nhưng vẫn có tinh thần yêu nước thiết tha.

96. DỪNG ĐÀN KHUYÊN VUA

Uy Vương nước Tề trong Đông Chu liệt quốc, từ khi lên ngôi vua, chỉ ham mê tửu sắc và thích đàn địch, không lo việc trị nước. Quần thần không dám khuyên can, các sĩ phu thì lo lắng.

Một hôm có một danh cầm tên là Trâu Kị xin vào yết kiến.

Uy Vương muốn nghe đàn, cho vào chầu và sai người đưa ra cây đàn cầm.

Trâu Kị ngồi trước mặt vua, lên dây đàn, nhưng không gảy.

Uy Vương nói:

– Trẫm nghe nói là tiên sinh giỏi đàn cầm. Nay tiên sinh lên dây rồi, sao không gảy?

Trâu Kị đặt cây đàn xuống, tâu:

– Kẻ hạ thần biết là biết cầm lí, chứ gảy đàn, thì nhạc công nào mà chẳng làm được.

– Cầm lí là thế nào?

– Tâu bệ hạ, cầm lí dạy cho người ta tránh dâm tà và giữ chính đạo. Cổ nhân đặt ra cây đàn cầm có ý ví đàn và dây tượng trưng cho vua và dân. Vua tôi tương đắc thì chính lệnh mới hòa hợp. Hạ thần gảy đàn, tức là làm cho đàn và dây ăn khớp với nhau, chẳng khác nào như bệ hạ trị nước. Kẻ hạ thần ôm đàn mà không gảy thì cũng như bệ hạ chẳng trị dân. Hạ thần không gảy đàn, bệ hạ chẳng thỏa lòng, thì khi bệ hạ không lo việc quốc chính, thần dân sẽ nghĩ sao?

Uy Vương nghe nói, hiểu được thâm ý của Trâu Kị, nên lưu Trâu Kị lại trong triều để cùng bàn việc nước, dùng người có tài năng, trừ bọn gian nịnh, đồng thời cho quân sĩ luyện tập để giữ gìn bờ cõi.

Từ đó Uy Vương nước Tề trở nên một ông vua cần mẫn, khiến cho các nước chung quanh phải kính nể.

97. NUỐT THAN ĐỂ TRẢ THÙ CHO CHỦ

Dự Nhượng là một tướng tâm phúc của Trí Bá nước Tấn thời Đông Chu liệt quốc.

Trong khi tranh giành quyền lực với ba họ: Triệu, Hàn, Ngụy, Trí Bá đã thắng lợi. Nhưng vì chủ quan khinh địch mà bị bắt và bị giết.

Dự Nhượng quyết tâm báo thù cho chủ. Nhưng vì thế cô, nên đổi họ tên, giả làm kẻ tù phạm, làm công việc phục dịch trong dinh của Triệu Vũ Tuất, người đã ra lệnh giết Trí Bá.

Dự Nhượng giắt một con dao nhọn vào lưng, lẻn vào nhà tiêu của Vũ Tuất, định hành thích. Nhưng bị lộ, bị điệu đến trước mặt viên tướng họ Triệu.

Vũ Tuất hỏi:

– Nhà người giắt con dao nhọn làm gì?

Dự Nhượng thẳng thắn trả lời:

– Tôi là bề tôi của Trí Bá, quyết vì chủ mà báo thù.

Võ Tuất khen là người nghĩa khí và tha tội.

Dự Nhượng về nhà, vợ khuyên nên làm tội họ Triệu. Ông bỏ nhà ra đi. Muốn để người ta không nhận được mình, Dự Nhượng cạo sạch râu và lông mày, rồi lấy sơn bôi vào mặt, giả làm người hủi, đi ăn mày ở chợ.

Người vợ tìm chồng, ra đến chợ, nghe tiếng người ăn mày, chị ta nghĩ đúng là tiếng chồng mình. Nhưng khi nhìn mặt thì chị không nhận ra và bỏ về.

Dự Nhượng muốn cho giọng khác đi, đã nuốt than cho khản tiếng, rồi tiếp tục đi ăn xin.

Một hôm biết rằng Triệu Võ Tuất sẽ đi qua một cái cầu, Dự Nhượng thủ một con dao, nằm ở dưới cầu, định khi Võ Tuất đi qua thì xông lên chém. Nhưng bị quân lính phát hiện, dẫn đến trước mặt tướng họ Triệu.

Võ Tuất mắng rằng:

– Khi trước ta đã tha cho nhà ngươi, nhà ngươi vẫn cứ muốn hại ta là tại làm sao?

Dự Nhượng trả lời:

– Ta làm tôi họ Trí, Trí Bá nhường cơm sẻ áo cho ta, đãi ta là quốc sĩ, ta phải lấy tư cách là quốc sĩ mà xử lại.

Võ Tuất nói:

– Nhà ngươi quyết chí hại ta, ta không thể tha lần nữa.

Nói xong, cởi thanh gươm đang đeo đưa cho Dự Nhượng. Dự Nhượng nói: “Kẻ trung thần không sợ chết vì chính nghĩa”, rồi tự đâm cổ mà chết.

Về sau, dân địa phương đổi tên cầu là “Dự Nhượng Kiều”.

98. THA THỨ CHO TÊN PHẢN BỘI

Điông là học trò của triết gia Platông, đã từng theo thầy học đạo ở học đường Acadêmi. Điông là một người có lượng cả bao dung.

Song Điông lại là em vợ của tên bạo chúa Đơnit cha.

Sau khi tên bạo chúa này chết, con của y là Đơnit con là một kẻ từ bé không được học hành gì, vì cha hấn sợ hấn giỏi sẽ cướp ngôi. Điông muốn giúp tên bạo chúa trẻ này trở thành một người tốt: một mặt ông khuyên nhủ Đơnit con lấy đức mà trị dân, mặt khác ông yêu cầu mời Platông đến dạy bảo.

Nhưng những kẻ cận thần ghen ghét với Điông và Platông, xúc xiểm Đơnit không nên tin ở Điông và Platông. Chúng lại bịa chuyện khiến tên bạo chúa trẻ nghi ngờ Điông và đẩy ông ra khỏi đảo Xixin.

Điông sang Hi Lạp, đến thành quốc Xpácơ. Đến đâu, ông cũng được người ta quý mến vì đạo đức cao cả của ông.

Tên bạo chúa, sau một thời gian, lại đuổi cả Platông đi. Bạn bè của Điông khuyên ông về giải phóng đảo Xixin. Họ thành lập một đạo quân hùng mạnh đặt dưới quyền chỉ huy của Điông.

Đạo quân này đổ bộ vào đảo Xixin trong khi Đơnit con ở trong nội địa nước Ý. Điông tiến quân vào thành Xiraquidơ, được nhân dân đón chào nồng nhiệt.

Bảy ngày sau, Đơnit trở về đảo Xixin, cho người đến báo với Điông là đồng ý bỏ quyền bạo chúa. Điông bằng lòng và tỏ ra sẵn sàng giúp đỡ Đơnit.

Nhưng chẳng qua chỉ là một sự lừa bịp: Đương đêm Đơnit tiến quân vào thành Xiraquidơ. Tuy bị đánh bất ngờ, đạo quân của Điông đã

chiến đấu dũng cảm và quân lính của Đơnit chết như rạ.

Lúc đó có một viên tướng bị đi đày đã được trở về, tên là Hêraclít. Hêraclít tỏ lòng phục Điong, nên ông đã cử y làm thủy sư đô đốc. Ngoài mặt, Hêraclít ra vẻ kính phục Điong, nhưng ngấm ngầm tuyên truyền trong dân Xiraquidơ là Điong dựa vào quân đội ngoại bang (vì họ là người Hi Lạp) để thiết lập lại chế độ bạo chúa. Hêraclít tìm mọi cách nói xấu Điong và quân đội của ông là người Hi Lạp. Đồng thời, dùng cách mị dân, xúi giục dân chúng chống lại những người lính Hi Lạp. Khi quân dân thành Xiraquidơ xông vào đánh quân Hi Lạp, Điong không muốn chống lại nhân dân của Tổ quốc mình, đành rút quân khỏi thành Xiraquidơ.

Nhân dịp ấy, Đơnit đem quân vào phá thành Xiraquidơ, nhiều nhà cửa tan nát, nhân dân hãi hùng. Lúc đó nhiều người nghĩ đến một bậc anh hùng có thể cứu vãn tình thế, nhưng ai nấy đều ngại ngùng, vì xấu hổ đã đối xử tệ bạc với người ấy. Nhưng khi một người nói lên là phải mời Điong về thì toàn thể nhân dân đều hoan hô. Điong đồng ý trở về.

Khi nghe tin Điong chuẩn bị trở về cứu nhân dân Xiraquidơ, tên bạo chúa Đơnit đốt phá thành trì.

Điong và quân đội trở về, nhân dân ùa ra đón tiếp, còn quân của Đơnit chạy tán loạn. Điong ra lệnh cho binh lính đi dập tắt các đám cháy.

Hêraclít liền xin ra mắt Điong và nhận tội. Các chiến hữu của Điong muốn xử tội tên phản bội. Điong nói với họ: "Khi tôi ở học đường Acadêmi, tôi đã học được đức tính dẹp sự nóng nảy và lòng tham vọng, nên rộng lượng tha thứ những kẻ định hại mình."

Sau đó, Điong tha bổng cho Hêraclít, lại cho y chỉ huy lính hải quân.

Song chúng nào vẫn giữ tật ấy, Hêraclít một mặt tuyên truyền trong quân lính chống Điong, mặt khác bí mật liên minh với Đơnit để đánh bại Điong.

Nhân khi nhân dân thành Xiraquidơ bị nạn đói đe dọa, lại có những cuộc nổi loạn ở trong thành, Hêraclít đem quân về để đánh đổ Điông. Nhưng chính quân bản bộ của Hêraclít đã nổi lên chống lại nên mưu gian của hắn không thành.

Nhiều lần Hêraclít, vì tham vọng đã chống đối Điông, nhưng không đạt mục đích đê hèn của nó.

Các chiến hữu của Điông khuyên ông phải trị tội Hêraclít, nhưng ông vẫn không nghe.

Một hôm Hêraclít đang ở trong nhà, những người bạn của Điông đột nhập và kết thúc cuộc đời tên phản bội.

Được tin, Điông đã cho tổ chức lễ an táng trọng thể và thân chinh đi đưa đám.

Nhân dân Xiraquidơ đều ngạc nhiên trước thái độ bao dung của Điông.

99. MẮT LÒNG DÂN THÌ MẮT NƯỚC

Trong thời Xuân Thu chiến quốc, lịch sử Trung Hoa là lịch sử các nước tranh giành đất đai của nhau và gây chiến sự liên miên.

Vua Trang Vương nước Sở, thấy nước Trần bé nhỏ muốn đem quân sang cướp, mới cho người đi dò xét tình thế.

Người đi thăm dò về, thưa:

- Không nên đánh nước Trần.
- Vì sao?
- Nước Trần kho tàng đầy ắp lại có thành cao, hào sâu, đánh làm sao được!

Trong số triều thần của Sở Trang Vương có Ninh Quốc là người mưu trí. Ninh Quốc thưa:

- Như thế, bệ hạ càng nên đánh nước Trần.
- Vì sao?
- Vì nước nhỏ mà kho tàng đầy ắp thì chắc là dân chúng phải đóng góp thuế má rất nặng, tất nhiên oán trách âm thầm. Thành cao, hào sâu là do nhân dân phải bỏ bao công sức xây, đào, phục dịch thì dân kiệt sức. Nếu ta đem quân đến đánh, chắc là dân chúng chẳng còn ủng hộ cái chính quyền đã mất lòng dân.

Quả nhiên, khi quân nước Sở sang đánh, nước Trần đã thất bại.

100. BIA KỶ NIỆM CATÔNG

Vào thế kỉ thứ III trước công nguyên, ở La Mã, có một người vừa có nhân cách hơn người, vừa là người chồng, người cha mẫu mực, lại vừa là một nhà chính trị có công lớn đối với đất nước. Đó là Catông.

Ngay từ khi còn nhỏ, ông đã ra sức rèn luyện thân thể để sau này có khả năng phục vụ Tổ quốc. Ông thường đi đất và hằng ngày ra ruộng cày bừa. Mùa đông, khi lao động ông chỉ mặc một cái áo, về mùa hè thì cởi trần. Ông có thói quen sống giản dị : suốt đời ông chỉ ăn những thức ăn đơn giản, đôi khi tự tay ông nấu nướng. Ông rất ghét thói xa xỉ. Ông thường chỉ uống nước lã, ít khi uống rượu.

Để có thể tham gia việc công, ông kiên trì luyện cách nói trước công chúng và sớm trở thành một nhà hùng biện, đến mức người ta đã ví ông là Đê-môxten của La Mã.

Ông cũng sớm xung phong ra trận. Hồi mười bảy tuổi, ông đã chiến đấu với quân đội của Anniban, viên tướng Cáctagiơ, kẻ thù của La Mã. Khi đánh nhau, ông đứng vững ở thế công và hò hét rất lớn khiến quân thù phải khiếp sợ. Trên mình ông sau này đầy sẹo do những vết thương ở chiến trường.

Catông là một người chồng và một người cha gương mẫu. Vợ ông là một phụ nữ La Mã không giàu có, được ông rất chiều chuộng. Dù bận việc công, ông luôn luôn giúp đỡ vợ trong việc nội trợ. Ông cho rằng là một người chồng tốt còn có giá trị hơn là một nguyên lão nghị viện giỏi. Ông nói : “Kẻ đánh vợ con là kẻ đặt bàn tay vô đạo vào một điều thiêng liêng”.

Ông rất quan tâm đến việc giáo dục người con trai của ông.

Ông tự dạy con học ngữ pháp, học pháp lí; ông luyện cho con cưỡi ngựa, ném lao, đấu quyền; ông đòi hỏi con phải quen chịu được

nóng, lạnh, phải tập bơi trên dòng nước xiết. Tự tay ông đã viết cho con đọc những trang sử vẻ vang của các bậc tiền bối. Trước mặt con, không bao giờ ông nói một lời tục tằn, không xứng đáng... Chính vì thế mà người con của ông trở thành một chiến sĩ gan dạ trong cuộc chiến tranh chống vua Pécxê, dưới sự chỉ huy của Pôluýt – Emiliuyt.

Catông suốt đời tận tụy với đất nước. Ông đã từng cầm quân đi chiến đấu ở tây Ban Nha, Hy Lạp và đã chiến thắng oanh liệt. Ông lại được nhân dân La Mã bầu làm quan chấp chính, rồi làm quan ngự sử là những chức vụ cao cả của La Mã. Ở cương vị nào, ông cũng nổi tiếng là thanh liêm và chính trực.

Chính vì thế mà trước khi ông qua đời, nhân dân đã dựng ở một ngôi đền bức tượng của ông kèm một tấm bia. Trên tấm bia có ghi :

“Để biểu dương Catông trên cương vị là ngự sử, với những chỉ dụ cứu đời, những tổ chức và thể chế khôn ngoan, ông đã chấn hưng lại được nước Cộng hoà La Mã trên đà suy sụp do sự bại hoại của phong tục”.

– HẾT –